

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 21 ra ngày 24/5/2021

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
TRUNG TÂM THÔNG TIN	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN. 3	
CÔNG NGHIỆP VÀ	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	4
THƯƠNG MẠI -	<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ bất tốc.....</i>	<i>4</i>
BỘ CÔNG THƯƠNG	<i>Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tăng mạnh.....</i>	<i>8</i>
Phòng Thông tin	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	<i>10</i>
Xuất nhập khẩu	<i>Nhập khẩu gỗ thông tăng mạnh</i>	<i>13</i>
655 Phạm Văn Đồng –	<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường CPTPP tăng mạnh... 15</i>	
Bắc Từ Liêm – Hà Nội	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	<i>19</i>
Bộ phận biên tập:	<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....</i>	<i>22</i>
Tel: (024) 22192875	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	24
Phụ trách nội dung	<i>Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tăng mạnh trong quý I/2021</i>	<i>24</i>
ĐD: 0986836889	<i>Nga xác nhận lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn trong năm 2022.....</i>	<i>25</i>
Bộ phận tư vấn thông tin	THAM KHẢO	26
và phát hành:	<i>Khuyến cáo các doanh nghiệp kinh doanh với thị trường Ấn Độ trong bối cảnh dịch Covid -19</i>	<i>26</i>
Tel: (024) 37152586	<i>Danh sách cảnh báo sản phẩm có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, điều tra lẫn tránh thuế.....</i>	<i>27</i>
(024) 37152585	<i>Ấn Độ chấm dứt vụ việc điều tra chống bán phá giá đối Ván gỗ MDF sản xuất bởi Công ty CP Kim Tín MDF Việt Nam</i>	<i>28</i>
(024) 37152584		
Fax: (024) 37152574		

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Tuần qua, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với những rủi ro trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Với tỷ lệ tiêm vaccine Covid-19 tăng nhanh, hiện Mỹ và hầu hết các quốc gia EU đã nới lỏng những biện pháp hạn chế đi lại trước đó, trong khi kinh tế Anh cũng tái mở cửa sau 4 tháng phong tỏa vì dịch bệnh. Mặc dù vậy, theo cảnh báo mới nhất của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), đại dịch Covid-19 vẫn chưa thể kết thúc bất chấp tỷ lệ tiêm chủng cao tại một số quốc gia. Hiện châu Á tiếp tục là tâm điểm với số ca nhiễm Covid-19 mới gia tăng nhanh chóng, khiến hàng loạt quốc gia như Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Indonesia hay Thái Lan phải áp đặt phong tỏa và thắt chặt các biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh.

Trong bối cảnh này, các nền kinh tế chủ chốt như Mỹ và Trung Quốc tiếp tục cho thấy xu hướng hồi phục nhưng tốc độ hồi phục đã có tín hiệu chậm lại kể từ tháng 4/2021- thời điểm dịch Covid-19 tái bùng phát tại các quốc gia châu Á.

Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, doanh số bán lẻ của nền kinh tế lớn nhất thế giới trong tháng 4/2021 không thay đổi so với tháng 3/2021, thấp hơn so với mức kỳ vọng tăng 1% và cũng thấp hơn mức tăng 10,7% trong tháng trước đó. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ năm trước- giai đoạn dịch Covid-19 đang lan rộng tại Mỹ thì doanh số bán lẻ của nước này đã tăng tới 51,2%. Trong lĩnh vực sản xuất, sản lượng công nghiệp của Mỹ trong tháng 4/2021 chỉ tăng nhẹ 0,7% so với tháng trước, thấp hơn so với mức kỳ vọng tăng 1% và mức tăng 2,4% trong tháng 3/2021. Trước xu hướng “chững lại” của nền kinh tế cộng với lo ngại lạm phát gia tăng, chỉ số niềm tin tiêu dùng của người dân Mỹ trong tháng 4/2021 đã giảm từ 88,3 xuống còn 82,8 điểm, thấp hơn so với mức ước tính đạt 90,4 điểm. Riêng trong tháng 4/2021, lạm phát của Mỹ đã tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2020 do giá cả tăng cao khi nền kinh tế Mỹ mở cửa trở lại. Mặc dù vậy, với nhu cầu của người dân gia tăng sau giai đoạn phong tỏa chống dịch cộng với lượng tiền tiết kiệm đã tăng lên mức cao kỷ lục, nhiều khả năng chi tiêu tiêu dùng của người dân Mỹ vẫn tiếp tục bứt phá trong tháng tiếp theo.

Tại Trung Quốc, sản lượng công nghiệp trong tháng 4/2021 tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với mức tăng trưởng 14,1% trong tháng 3/2021. Trong khi đó, doanh số bán lẻ cùng giai đoạn tăng 17,7%, thấp hơn mức dự kiến tăng 24,9% và cũng thấp hơn đáng kể so với mức tăng 34,2% trong tháng trước đó. Hiện nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt nhiều vấn đề mới, đáng chú ý nhất là giá cả hàng hóa quốc tế tăng và kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu phục hồi không cân bằng, mạnh ở lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư trong nước nhưng yếu ở tiêu dùng nội địa.

Tại Nhật Bản, sau hai quý liên tiếp hồi phục, kinh tế Nhật Bản đã suy thoái trở lại trong quý đầu năm 2021. Số liệu chính thức từ Văn phòng Nội các Nhật Bản cho thấy, GDP của nước này trong quý I/2021 đã giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,3% so với quý trước. Tính chung trong tài khóa 2020 (kéo dài từ 1/4/2020-31/3/2021), GDP thực tế của Nhật Bản giảm 4,6% so với tài khóa trước đó. Đây là mức sụt giảm mạnh nhất kể từ khi Nhật Bản bắt đầu thu thập dữ liệu về GDP vào tài khóa 1955 và là năm thứ 2 liên tiếp nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới này rơi vào suy thoái do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Mặc dù ghi nhận một số tín hiệu cho thấy đà hồi phục của kinh tế toàn cầu đang chậm lại, tuy nhiên trong báo cáo về "Tình hình và Triển vọng kinh tế thế giới năm 2021" được công bố trung tuần tháng 5/2021 của Liên Hợp Quốc, tổ chức này vẫn nâng dự báo mức tăng trưởng của kinh tế thế giới nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của "hai đầu tàu" là Mỹ và Trung Quốc. Theo đó, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ đạt 5,4% trong năm 2021, tăng trưởng trở lại so với mức giảm 3,6% vào năm 2020 và cao hơn so với dự báo 4,7% được đưa ra trong báo cáo tháng 1/2021. Đây được coi là tín hiệu tích cực trong bối cảnh thế giới trong 2 năm qua đang đối diện thách thức lớn từ đại dịch Covid-19.

2. Kinh tế trong nước

Kinh tế trong nước tiếp tục đứng trước sức ép trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp và nguy cơ dịch bùng phát mạnh đang hiện hữu rõ nét. Hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp đang chịu tác động nặng nề trước ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách, phong tỏa hoặc quyết định tạm dừng kinh doanh tại một số địa phương và khu vực có dịch bệnh. Trong đó, ảnh hưởng mạnh nhất vẫn là các ngành nghề liên quan lĩnh vực dịch vụ như hàng không, vận tải và du lịch.

Tuy nhiên, xét trên bình diện chung, kinh tế toàn cầu nói chung và của kinh tế Việt Nam nói riêng hiện vẫn đang đứng trước khả năng phục hồi mạnh trên nền tảng trường thấp của năm 2020, kéo theo nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ tăng, từ đó sẽ đẩy mạnh giá cả gia tăng. Bên cạnh đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ thông qua việc điều chỉnh lãi suất thấp và hàng loạt gói kích thích kinh tế của Ngân hàng Trung ương các nước cũng góp phần quan trọng thúc đẩy mạnh giá hàng hóa toàn cầu. Cùng với lộ trình tăng giá một số hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, các yếu tố trên sẽ góp phần quan trọng tạo áp lực lạm phát gia tăng trong thời gian tới, gây khó khăn lên chính sách điều hành trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của các cơ quan quản lý cũng như trong chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Trong tháng 4/2021, lãi suất huy động và cho vay của hầu hết các ngân hàng thương mại tiếp tục được duy trì ở mức thấp. Trong khi đó, tín dụng và huy động đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 22/4/2021, tín dụng và huy động của nền kinh tế đã tăng lần lượt 3,61% và 2,32% so với cuối năm 2020. Mặc dù mức tăng trưởng huy động vẫn thấp hơn tín dụng nhưng con số này đã cao hơn khá nhiều so với mức tăng 0,54% tại thời điểm cuối tháng 3/2021.

Trong ngắn hạn, dự báo mặt bằng lãi suất sẽ ổn định ở mức thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế trước tác động của Covid-19 và diễn biến phức tạp của dịch bệnh làm giảm cầu tín dụng. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm 2021, với sức ép lạm phát gia tăng cộng với tín dụng tăng tốc rõ nét hơn theo đà hồi phục của kinh tế trong nước, dự kiến mặt bằng lãi suất, đặc biệt là lãi suất cho vay sẽ nhích tăng trở lại.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Mỹ trong tháng 4/2021 đạt 823,2 triệu USD, tăng 173,6% so với tháng 4/2020. Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ đạt 3,1 tỷ USD, tăng 95,4% so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong tháng 4/2021 đạt 78,1 triệu USD, tăng 58% so với tháng 4/2020. Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp ước đạt 288,8 triệu USD, tăng 66,7% so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 365,4 triệu USD, giảm 1,9% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ với kim ngạch đạt 257,4 triệu USD, giảm 5,9% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 4/2021 ước đạt 157,4 nghìn m³, trị giá 34 triệu USD, tăng 4,3% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với tháng 3/2021; so với tháng 4/2020 tăng 57,4% về lượng và tăng 62,1% về trị giá. Tính chung, 4 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ thông ước đạt 596,8 nghìn m³, trị giá 128,8 triệu USD, tăng 100,5% về lượng và tăng 104,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường CPTPP trong tháng 3/2021 đạt 94,62 nghìn m³, với trị giá 25,12 triệu USD, tăng 6,1% về lượng và tăng 15,1% về trị giá so với tháng 02/2021; tăng 27,3% về lượng

và tăng 35,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường CPTPP đạt 310,75 nghìn m³, với trị giá 77,36 triệu USD, tăng 68,4% về lượng và tăng 66,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

- Trong tuần từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 72,3 triệu USD, giảm 4,0% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 27/4/2021 đến 12/5/2021 đạt 38,43 triệu USD, giảm 3,8% so với kỳ trước.

QUỐC TẾ:

- **Trung Quốc:** Xuất khẩu đồ nội thất văn phòng (mã HS 940330) của Trung Quốc trong tháng 3/2021 đạt 110 triệu USD, tăng 106,5% so với tháng 3/2020. Trong quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Trung Quốc đạt 336,76 triệu USD, tăng 108,1% so với cùng kỳ năm 2020.
- **Nga:** Chính phủ Liên bang Nga đã đưa ra quyết định tăng dần thuế xuất khẩu. Trong năm 2021 thuế xuất khẩu là 80%; năm 2022, cấm xuất khẩu gỗ tròn có hiệu lực. Điều này được thực hiện nhằm tạo công ăn việc làm trong ngành lâm nghiệp và xây dựng các nhà máy chế biến gỗ tại Nga.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

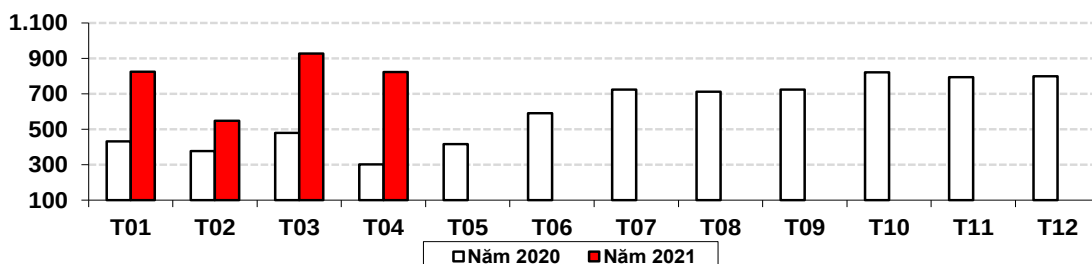
Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ bất tốc

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Mỹ trong tháng 4/2021 đạt 823,2 triệu USD, tăng 173,6% so với tháng 4/2020. Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ đạt 3,1 tỷ USD, tăng 95,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, hoạt động kinh tế của Mỹ phục hồi nhanh hơn so với nhiều quốc gia khác. Nhu cầu trong nước gia tăng đã thúc đẩy nhập khẩu vượt xuất khẩu, từ đó dẫn đến sự gia tăng trong thâm hụt thương mại của Mỹ. Lượng hàng tồn kho của các nhà bán lẻ đã giảm trong tháng 3/2021 trong bối cảnh nhu cầu nội địa tăng mạnh. Trong thời kỳ đại dịch, lĩnh vực tiêu dùng của Mỹ đã được thúc đẩy nhờ các gói cứu trợ của chính phủ. Các nhà kinh tế nhận định, thâm hụt thương mại hàng hóa vẫn sẽ ở mức cao cho đến cuối năm. Đồ nội thất bằng gỗ là một trong những mặt hàng tiêu dùng mà Mỹ tăng mạnh nhập khẩu trong những tháng qua. Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ trong tháng 3/2021 đạt 2,05 tỷ USD, tăng 73,1% so với tháng 3/2020. Trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ đạt 5,9 tỷ USD, tăng 39,4% so với cùng kỳ năm 2020. Do nhu cầu thị trường tăng mạnh nên Mỹ tăng mạnh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường trong 3 tháng đầu năm 2021. Dẫn đầu về trị giá là thị trường Việt Nam, đạt 2,4 tỷ USD, tăng 56% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 40,2% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ. Tiếp theo là thị trường Trung Quốc đạt 1,27 tỷ USD, tăng 49%; EU đạt 450,7 triệu USD, tăng 15,2%...

Hiện tại, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Mỹ chiếm tới 60% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Mỹ liên tục ở mức cao trong thời gian qua, đây là dấu hiệu tích cực cho ngành gỗ. Tuy nhiên, khi gia tăng ở thị trường Mỹ quá lớn khiến cho phía Mỹ sẽ gia tăng các biện pháp phòng vệ đối với các mặt hàng có sự tăng trưởng đột biến. Hiện nay, cơ quan chức năng Mỹ hết sức quan tâm tới hoạt động đầu tư có dấu hiệu gian lận thương mại, giả mạo xuất xứ. Vì vậy, ngành gỗ cần phải cẩn trọng tránh trường hợp trở thành điểm trung chuyển hàng hóa cho quốc gia thứ ba.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ qua các tháng năm 2020 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chính tới thị trường Mỹ trong 3 tháng đầu năm 2021, với kim ngạch xuất khẩu đạt 2,07 USD, tăng 82,5% so cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng ghế khung gỗ dẫn đầu đạt 760,4 triệu USD, tăng 118,5% so với cùng kỳ năm 2020; Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 621 triệu USD, tăng 80,4%; Đồ nội thất phòng ngủ đạt 453,88 triệu USD, tăng 44,5%...

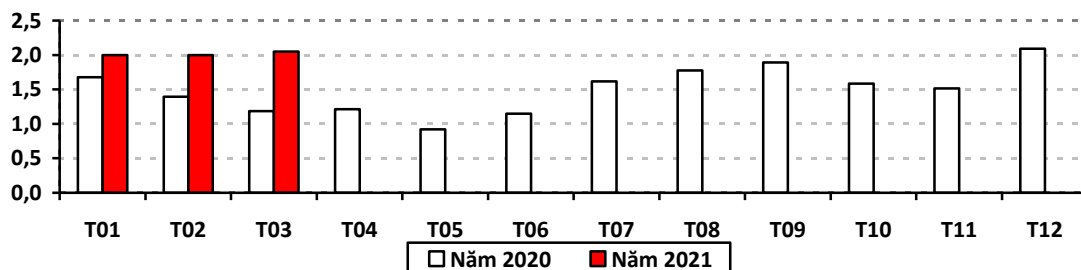
Trong 3 tháng đầu năm 2021 còn một số mặt hàng khác cũng xuất khẩu tới thị trường Mỹ như: Gỗ, ván và ván sàn, cửa gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ và khung gương...

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Mỹ tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng (Mã HS)	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	927.706	93,4	2.297.636	77,0	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	836.043	101,2	2.074.399	82,5	90,3	87,6
Ghế khung gỗ	309.668	143,1	760.390	118,5	33,1	26,8
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	253.119	99,9	621.029	80,1	27,0	26,6
Đồ nội thất phòng ngủ	177.772	66,5	453.882	44,5	19,8	24,2
Đồ nội thất nhà bếp	63.143	75,5	157.879	100,7	6,9	6,1
Đồ nội thất văn phòng	32.341	72,2	81.219	58,8	3,5	3,9
Gỗ, ván và ván sàn	66.125	52,4	152.109	39,3	6,6	8,4
Cửa gỗ	1.624	52,2	4.093	58,1	0,2	0,2
Đồ gỗ mỹ nghệ	974	40,1	2.809	32,6	0,1	0,2
Khung gương	388	84,6	941	72,1	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Mỹ các tháng năm 2020 - 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng nội thất bằng gỗ Mỹ nhập khẩu trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng (Mã HS)	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	2.049.423	73,1	5.925.909	39,4	100,0	100,0
940161 + 940169	732.822	106,8	2.127.908	48,2	35,9	33,8
940360	662.968	77,1	1.907.407	40,5	32,2	31,9
940350	387.734	43,1	1.122.819	26,5	18,9	20,9
940340	188.520	51,3	549.307	45,5	9,3	8,9
940330	77.379	28,5	218.468	12,9	3,7	4,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu Ủy Ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Mỹ tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	2.049.423	73,1	5.925.909	39,4	100,0	100,0
Việt Nam	825.961	100,5	2.382.483	56,0	40,2	35,9
Trung Quốc	401.018	248,1	1.272.492	49,0	21,5	20,1
EU	163.704	8,7	450.742	15,2	7,6	9,2
Italia	67.763	15,1	205.531	27,9	3,5	3,8
Ba Lan	31.433	36,9	76.117	13,6	1,3	1,6
Litva	15.753	104,3	35.917	75,9	0,6	0,5
Đức	9.100	-29,2	29.904	-8,9	0,5	0,8
Rumani	6.642	25,0	16.637	26,4	0,3	0,3
Tây Ban Nha	5.606	-21,6	15.274	-4,6	0,3	0,4
Bồ Đào Nha	6.168	0,7	12.653	-16,5	0,2	0,4
Pháp	4.598	1,4	12.431	6,2	0,2	0,3
Đan Mạch	4.239	-52,9	11.498	-24,8	0,2	0,4
Thụy Điển	2.637	7,1	8.240	47,8	0,1	0,1
Cộng Hoà Séc	2.164	9,4	6.047	11,5	0,1	0,1
Slovakia	2.081	-24,7	5.604	-25,2	0,1	0,2
Phần Lan	743	-83,2	2.597	-73,4	0,0	0,2
Hà Lan	896	3,2	2.317	6,7	0,0	0,1
Látvia	821	-13,3	1.873	-21,0	0,0	0,1
Bỉ	733	152,7	1.632	46,8	0,0	0,0
Malaysia	142.396	30,8	434.123	31,2	7,3	7,8
Mexico	134.203	48,3	354.882	29,6	6,0	6,4
Canada	125.208	11,0	329.546	-1,7	5,6	7,9
Indonesia	84.948	9,7	227.750	11,8	3,8	4,8
Ấn Độ	46.222	45,5	117.158	26,7	2,0	2,2
Thái Lan	33.444	66,4	88.832	62,2	1,5	1,3
Braxin	27.348	50,3	72.747	49,7	1,2	1,1
Campuchia	20.716	132,5	57.334	84,2	1,0	0,7
Đài Loan	14.921	19,9	45.849	23,8	0,8	0,9
Thổ Nhĩ Kỳ	6.248	39,8	18.753	54,2	0,3	0,3
Philippin	3.468	-14,8	12.166	13,1	0,2	0,3
Anh	4.291	-4,9	11.514	-11,8	0,2	0,3
Na Uy	1.163	56,0	8.339	562,0	0,1	0,0
Côlombia	1.344	9,7	4.745	81,6	0,1	0,1

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Bangladesh	1.581	98,5	4.302	83,5	0,1	0,1
Nga	1.292	13,1	3.953	-5,0	0,1	0,1
Hondura	1.370	82,1	3.416	73,7	0,1	0,0
Hàn Quốc	782	-44,2	2.905	-44,2	0,0	0,1
Thụy Sĩ	1.098	368,7	2.226	299,8	0,0	0,0
Serbia	556	63,0	1.750	40,1	0,0	0,0
Hồng Kông	465	706,4	1.700	8,7	0,0	0,0
Bosnia- Herzegov	623	24,3	1.692	19,4	0,0	0,0
Singapore	184	-81,9	1.612	-24,3	0,0	0,1
Bolivia	429	-42,1	1.545	-2,5	0,0	0,0
Côtxta Rica	605	20,2	1.014	0,4	0,0	0,0
Êcuado	255	74,9	879	93,2	0,0	0,0
Australia	63	16,6	855	68,6	0,0	0,0
Ukraina	337	56,5	837	99,8	0,0	0,0
Ai Cập	123	-62,0	693	33,8	0,0	0,0
Bêlarút	307	-38,7	674	-50,1	0,0	0,0
Nhật Bản	189	31,6	632	-21,7	0,0	0,0
Ixraen	397	1116,3	530	10,6	0,0	0,0
CH.Dominican	204	197,2	483	186,8	0,0	0,0
Nam Phi	236	289,5	481	186,0	0,0	0,0
Achentina	172	2,5	413	-16,2	0,0	0,0
Miền Điện	198	63,6	374	43,5	0,0	0,0
Pêru	145	-17,4	352	-34,0	0,0	0,0
Nicaragoa	120	286,5	320	156,3	0,0	0,0
Belize	21	-15,8	317	204,9	0,0	0,0
Pakixtan	138	-12,1	287	-22,4	0,0	0,0
Marôc	96	-44,8	275	-44,6	0,0	0,0
Li Băng	142	-34,1	213	-59,3	0,0	0,0
Moldova	103	0,0	160	147,3	0,0	0,0
Goatêmal	44	-69,0	157	-31,8	0,0	0,0
Tuynidi	90	192,9	128	262,2	0,0	0,0
New Zealand	37	50,1	125	76,2	0,0	0,0
Benin	100	138,3	100	138,3	0,0	0,0
UAE	11	14,7	97	8,6	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu Ủy Ban Thương mại Quốc tế Mỹ

**Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu của Việt Nam
sang thị trường Mỹ trong tháng 3 và 3 tháng năm 2021**

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	3 tháng 2021 (Nghìn USD)
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	43.270	108.239
CTY TNHH TIMBERLAND	33.927	97.021
CTY TNHH POU SUNG VIỆT NAM	27.788	59.393
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	16.899	46.558
CTY TNHH GLORY OCEANIC (VIỆT NAM)	17.459	40.369
CTY TNHH SHING MARK VINA.	10.972	29.106
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	10.913	28.434
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	10.238	26.780

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	3 tháng 2021 (Nghìn USD)
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VIỆT NAM)	11.812	26.498
CTY TNHH RK RESOURCES	10.610	24.972
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	10.253	23.805
CTY TNHH WOODWORTH WOODEN (VIỆT NAM)	7.763	23.783
CTY CỔ PHẦN POH HUAT VN	9.110	22.319
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	11.033	21.629
CTY TNHH DANH ỨU	8.925	20.886
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	6.669	19.465
CTY TNHH JUNMA PHÚ THỌ	9.656	18.962
CTY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT GỖ TÂN NHẬT	8.280	18.242
CTY TNHH GREAT VECA VIỆT NAM	6.550	18.189
CTY TNHH KUKA SOFA VIỆT NAM	9.372	17.542
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GRAND WOOD (VN)	7.729	17.362
CTY TNHH MỘC NGHỆ THUẬT	7.621	16.680
CTY TNHH QT THIẾT BỊ VỆ SINH NHÀ BẾP HOCA (VN)	6.463	16.646
CTY TNHH NỘI THẤT GOLDENLAND VIỆT NAM	6.744	16.420
CTY CỔ PHẦN JOHNSON WOOD	6.394	16.324
CTY CỔ PHẦN GREEN RIVER FURNITURE	5.700	14.953
CTY TNHH SAN LIM FURNITURE VIỆT NAM	5.347	14.020
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LỢI HẢO VIỆT NAM	4.297	12.058
CTY TNHH MINH THÀNH	4.467	11.529
CTY TNHH HONG FU (VIỆT NAM)	4.625	11.518
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	5.141	11.480
CTY TNHH WANG FENG 1	4.639	11.416
CTY TNHH SANG SHUN	3.721	10.990
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VIỆT NAM)	4.479	10.941
CTY TNHH GỖ HẢO HẢO	4.926	10.456
CTY CỔ PHẦN LATITUDE TREE VIỆT NAM	4.038	10.177
CTY TNHH BẮC HOÀNG	4.065	10.094
CTY TNHH THEODORE ALEXANDER HCM	4.177	9.910
CTY TNHH MTV GỖ SÂM THÀNH	3.703	9.901
CTY TNHH KỸ NGHỆ CỬA Ý - Á CHÂU	3.308	9.640
CTY TNHH GỖ YUHONG VIỆT NAM	3.413	9.510
CTY TNHH NỘI THẤT BẢO AN VIỆT NAM	3.154	9.339
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 2 (VIỆT NAM)	4.306	9.054
CTY TNHH HOME VOYAGE VIỆT NAM	3.162	8.764
CTY TNHH VÁN GHEP SUDIMA	2.960	8.730
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CHI NHÁNH CTY CP PHÚ TÀI	4.602	8.709
CTY CỔ PHẦN GREENTREE INDUSTRIAL	3.695	8.671
CTY CỔ PHẦN ĐỒ GỖ STARWOOD VIỆT NAM	3.463	8.602
CTY TNHH NỘI THẤT TỦ BẾP OWEN VIỆT NAM	3.417	8.381
CTY TNHH KEY BAY FURNITURE	4.284	8.370

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tăng mạnh

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong tháng 4/2021 đạt 78,1 triệu USD, tăng 58% so với tháng 4/2020. Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp ước đạt 288,8 triệu USD, tăng 66,7% so với cùng kỳ năm 2020.

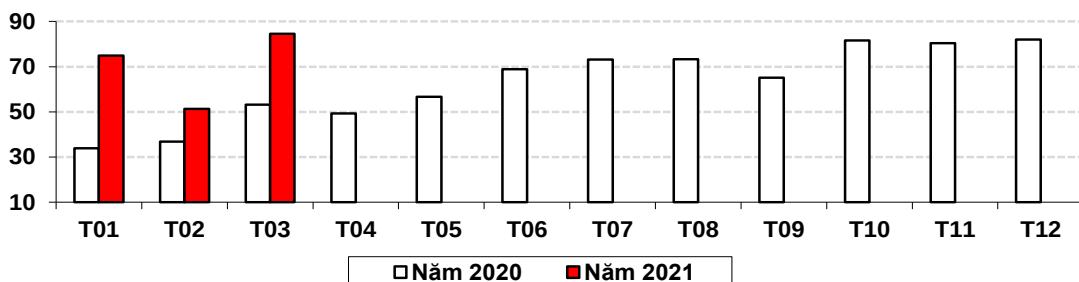
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 3/2021 kim ngạch xuất khẩu đồ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

nội thất nhà bếp của Việt Nam đạt 84,5 triệu USD, tăng 59% so với tháng 3/2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 209,1 triệu USD, tăng 68,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nhưng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn tăng trưởng khả quan. Trong đó, đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu là một trong những mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng cao trong những tháng qua. Kết quả này có được nhờ sự hỗ trợ quan trọng của các FTA mà Việt Nam tham gia đã có hiệu lực và nhu cầu tiêu dùng toàn cầu hồi phục trở lại.

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp giai đoạn 2020 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu

Hầu hết các mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất nhà bếp đều có kim ngạch tăng mạnh trong 3 tháng đầu năm 2021, trừ mặt hàng kệ bếp và ghế dùng trong nhà bếp. Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng tủ bếp đạt 153,46 triệu USD, tăng 99,6% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 73,4% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam. Tiếp theo là mặt hàng bàn bếp đạt 26,75 triệu USD, tăng 18,8%; Đồ gia dụng nhà bếp đạt 22,85 triệu USD, tăng 17,2%...

Mặt hàng đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	84.511	59,0	209.055	68,7	100,0	100,0
Tủ bếp	61.437	70,4	153.460	99,6	73,4	62,0
Bàn bếp	10.844	45,2	26.750	18,8	12,8	18,2
Gia dụng nhà bếp	9.638	30,7	22.850	17,2	10,9	15,7
Kệ bếp	1.388	-27,5	3.014	-9,1	1,4	2,7
Xe đẩy	699	522,1	1.789	352,5	0,9	0,3
Ghế	238	-55,4	460	-70,8	0,2	1,3

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Trong 3 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tới thị trường Mỹ đạt 157,88 triệu USD, tăng 100,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ chiếm 75,5%, tăng 12 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020.

Tiếp theo là các thị trường như: Nhật Bản đạt 19,37 triệu USD, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2020; Hàn Quốc đạt 11,83 triệu USD, tăng 10,4%; EU đạt 5,61 triệu USD, tăng 40,3%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tới các thị trường tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 3/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	84.511	59,0	209.055	68,7	100,0	100,0
Mỹ	63.143	75,5	157.879	100,7	75,5	63,5
Nhật Bản	7.987	2,0	19.366	-6,6	9,3	16,7
Hàn Quốc	4.734	8,7	11.827	10,4	5,7	8,6
EU	2.348	74,4	5.610	40,3	2,7	3,2
Đức	625	-4,3	1.706	7,7	0,8	1,3
Pháp	478	661,2	1.087	138,4	0,5	0,4
Hà Lan	522	486,9	1.052	146,8	0,5	0,3
Bỉ	251	243,3	558	142,7	0,3	0,2
Italia	209	124,6	411	105,5	0,2	0,2
Tây Ban Nha	94	3,5	234	-22,3	0,1	0,2
Thụy Điển	29	-67,0	149	-54,8	0,1	0,3
Đan Mạch	11	-56,2	148	32,6	0,1	0,1
Ái Len	53	-54,3	91	-56,2	0,0	0,2
Ba Lan	20	-2,7	66	126,2	0,0	0,0
Anh	1.565	39,4	3.153	0,1	1,5	2,5
Canada	756	452,6	1.648	161,1	0,8	0,5
Trung Quốc	809	105,9	1.606	85,2	0,8	0,7
Australia	475	102,2	1.501	128,1	0,7	0,5
Đài Loan	460	97,1	1.437	158,8	0,7	0,4
Ả Rập Xê út	595	808,6	923	193,4	0,4	0,3
Ái Cập	275	4,3	586	-20,4	0,3	0,6
Chilê	206	629,2	294	234,8	0,1	0,1
Ấn Độ	90	-18,0	271	-24,0	0,1	0,3
Các TVQ Ả Rập thống nhất	57	-26,0	258	31,6	0,1	0,2
Singapore	182	1388,0	230	406,5	0,1	0,0
Ângiêri	201		201	-19,5	0,1	0,2
Malaysia	31	218,6	188	878,5	0,1	0,0
Nga	103	97,5	185	46,8	0,1	0,1
New Zealand	41	89,1	151	-35,6	0,1	0,2
Na Uy	0	-100,0	125	-1,9	0,1	0,1
Indonesia	10	188,7	122	663,8	0,1	0,0
Tanzania	27	52,5	80	357,2	0,0	0,0
Puerto Rico	1	-35,0	55	275,7	0,0	0,0
Nam Phi	6	146,2	48	61,4	0,0	0,0
Gioocdani	13		39	-5,1	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 365,4 triệu USD, giảm 1,9% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ với kim ngạch đạt 257,4 triệu USD, giảm 5,9% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như:

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mỹ đạt 153,7 triệu USD, giảm 30,9% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Hồng Kông đạt 20,6 triệu USD, tăng 10.560%; thị trường Đài Loan đạt 14,66 triệu USD, tăng 2.095%; Nhật Bản đạt 10,75 triệu USD, giảm 2,9%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ(3034747B-1395)gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ (2310*457*864mm)	Cái	3	583,3	Cái Mép
	Ghế(3034743-2301-A2CTGT00) gỗ cao su(692*824*747mm)	Cái	1	998,1	Phước Long
	Kệ(3001870-62) gỗ cao su xẻ (1219*406*2285mm)	Cái	20	823,5	Phước Long
Đảo British Virgin	Bàn gỗ thông 780mm x 2210mm x 990mm	Cái	25	218,8	Cát Lái
	Tủ gỗ thông 900mm x 1650mm x 475mm	Cái	7	284,3	Cont Spitc
	Kệ sách gỗ thông 1950mm x 975mm x 345mm	Cái	5	146,7	Cont Spitc
Đan Mạch	Ghế sofa gỗ thông bọc da 3-seater 748SK 93*202*82cm	Cái	8	771,5	Cát Lái
	Tủ búp phê FREDERICA gỗ trầm, (150 x 45 x 85) mm	Cái	176	134,8	Cont Spitc
	Bàn (212-256-300 x 110 x 74)cm (Gỗ giá ty)	Cái	6	628,8	Qt sp-ssa(ssit)
	Giường tắm nắng (62 x 200 x 34)cm (Gỗ giá ty)	Cái	50	139,1	Qt sp-ssa(ssit)
Đức	Bàn kéo giãn gỗ giá ty, qui cách 300/250/200*100*75cm	Cái	10	568,0	Cái Mép
	Ghế Rustikal 285Z Sun Edition item no 70012202-1175-C size : 120 x 85 x 165 gỗ trầm	Cái	18	292,0	Cát Lái
	Tủ trưng bày gỗ sồi kích thước:1980(H)x400(D)x1020(W)mm	Cái	10	258,1	Cát Lái
	Kệ sách gỗ trầm kích thước:2040(H)x400(D)x1055(W)mm	Cái	10	215,9	Cát Lái
à Rập Xê út	Tủ quần áo 33505-BP(WB) (7070788), qc: (1423*482*800H)mm,gỗ dương xẻ, gỗ thông xẻ	Cái	14	265,7	Cát Lái
	Giường nôi 33520-BP(WB) (530677), qc: (1416x780x1215)mm, gỗ dương xẻ	Cái	18	228,3	Cát Lái
	Bàn ăn 7602671 (1829x998x752)mm-gỗ bạch đàn	Cái	15	132,9	Cát Lái
Ai Len	Bàn gỗ thông-CTF-BAOVMR/MT-(1800 x 1200 x 780 = 2200)	Cái	45	348,0	Cái Mép
	Kệ sách gỗ thông-AX-KSGK/MT-(610 X 380 X 1800)mm	Cái	20	168,0	Cái Mép
	Giường gỗ sồi,thông-LF-SKS01LR/V3P-(2223x1890x1033) mm	Cái	32	302,4	Cát Lái
	Tủ gỗ thông, gỗ sồi (LCT-WD02/KD/2M-OA)(1000X550X1900)mm	Cái	3	254,0	Cát Lái
Anh	Tủ gỗ sồi, thông- AXB-KC03LR/V3P (1400 x 570 x 1900) mm	Cái	1	622,0	Cái Mép
	Kệ sách gỗ thông- AGC-KS07LR/MT (1675 x 341 x 2000) mm	Cái	10	399,0	Cái Mép
	Giường gỗ sồi (194.2 x 220 x 113)cm	Cái	25	426,3	Cái Mép
Australia	Tủ gỗ tần bì 2400x550x890mm	Cái	6	528,0	Cát Lái
	Bàn gỗ tần bì 2700x1200x750mm	Cái	5	468,0	Cát Lái
	Giường ARB-KB-QC: (2450x2000x1500) (gỗ thông, gỗ sồi)	Cái	25	369,0	Cát Lái
	Ghế gỗ sồi,bọc da 30399-007(490x1350x404mm)	Cái	30	230,6	Cát Lái
Belize	Giường B1100 KE (2458*2134*1972)mm, gỗ dương	Bộ	18	284,8	Cát Lái
	Bàn T869-9CT (1270*762*508)mm gỗ dương	Cái	36	133,9	Cát Lái
	Nôi em bé (60-4/8*33-1/8*50)- gỗ cao su, dương	Cái	18	187,9	Cont Spitc
	Tủ quần áo (51 1/4**21 1/4**67 1/2")- gỗ cao su, dương, thông	Cái	16	218,1	Cái Mép
Các TVQ ở Rập thống nhất	Giường gỗ trầm(TIN-QB022160X1590X1300)mm	Cái	22	191,0	Cát Lái
	Bàn gỗ trầm (HES-BEN05-AC)(1700X400X460)mm	Cái	17	156,0	Cát Lái
	Tủ gỗ cao su,dương,beech, oak, poplar (493*918*1267)mm	Cái	50	270,0	Cont Spitc
Canada	Bàn gỗ sồi xẻ, óc chó, chân gang 2000*950*760mm	Cái	5	608,3	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi xẻ, poplar, chân gang đen 2000*450*760mm	Cái	6	604,8	Cát Lái
	Ghế Sofa 3 chỗ, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	16	424,4	Cát Lái
Hà Lan	Bàn gỗ trầm có quy cách : 1205 x730 x 410mm	Cái	3	266,1	Cái Mép
	Tủ gỗ trầm có quy cách : 1680 x450/400x 800/1200mm	Cái	3	408,4	Cát Lái
	Ghế (harby lounge bench 2s 81x162x74CM) -gỗ tếch, gỗ keo	Cái	70	158,3	Qt Sp-Ssa(Ssit)
Hàn Quốc	Ghế sofa SF-334 4P,(2.2*0.95*0.57)M, gỗ thông	Bộ	40	300,0	Cát Lái
	Giường tầng tháo rời (1220x1680x2290mm)gỗ cao su	Cái	45	450,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi-cao su (900x1800x720) mm	Cái	35	218,9	Cát Lái
	Tủ có ngăn kéo - 5 Drawer 800*450*1300 mm gỗ thông	Cái	10	180,0	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Hong Kong	Giường (gỗ trầm bông vàng, alder, beech) (2072x2228x1575)mm, nhãn hiệu JC Modern	Cái	1	3.437,5	Cát Lái
	Bàn 499368-79 - (gỗ trầm bông vàng, xà cừ) (2000x1000x762)mm, nhãn hiệu JC Modern	Cái	1	2.430,2	Cát Lái
	Tủ 492259-RFW - (gỗ trầm bông vàng, sồi, beech) (1017x613x1727)mm, nhãn hiệu JC Modern	Cái	1	2.272,5	Cát Lái
Kô-eot	Tủ sách H647-17 (863x1908x330)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, gỗ dương, gỗ trầm, gỗ oak, gỗ trầm)	Cái	10	96,1	Cát Lái
	Bàn 60" x 38" x 29" gỗ dẻ gai	Cái	15	96,0	Cát Lái
Mexico	Bàn ăn D736-25(1829x1016x780)mm,(gỗ cao su xẻ, gỗ trầm	Cái	28	111,9	Cát Mép
	Kệ tủ D736-76 (1905x711x398)mm,(gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, gỗ trầm)	Cái	20	102,7	Cát Mép
	Tủ (có gắn bồn rửa tay) O215-V30DG (762*560*952mmH)gỗ thông	Cái	44	176,0	Cont Spite
Malaysia	Tủ 1727x470x1067mm-gỗ poplar xẻ	Cái	17	171,6	Cát Mép
	Giường TH01.21-50BED,(W1640xD2140xH1100mm),gỗ sồi, gỗ thông	Cái	78	176,5	Cát Lái
	Ghế tựa đôi gỗ thông,đĩa nhồi đệm và bọc vải may dạng cắt chéo (màu nâu) ,kích thước 201*76*65 cm	Cái	29	266,0	Phước Long
Mỹ	Bàn (gỗ trầm bông vàng, sồi) CD2847 - (3404x1168x762)mm	Cái	1	5.493,6	Cát Lái
	Tủ kích thước:2286 x 508 x 914 mm, gỗ poplar	Cái	6	1.304,6	Cát Lái
	Ghế X-244L Sleeper Sofa (139x73x34)cm gỗ walnut	Cái	3	1.300,0	Cát Lái
	Giường493801-USK-MAH - (gỗ trầm bông vàng, xà cừ, beech) (2102x2320x2351)mm,	Cái	1	1.845,2	Phước Long
Nam Phi	Tủ gỗ trầm có quy cách : 2000x500x550 mm	Cái	14	242,0	Cont Spite
	Bàn gỗ trầm có quy cách : 2100x1000x780 mm	Cái	34	138,2	Cont Spite
New Zealand	Tủ A390 -gỗ thông, có khóa tủ Qama đi kèm,(204x51x87)cm	Cái	10	376,0	Cát Lái
	Ghế gỗ hồ đào, 609*680*680mm	Cái	10	289,1	Cát Lái
	Bàn A340 - gỗ thông, kích thước (90.5x90.5x50)cm	Cái	15	199,1	Cát Lái
Nhật Bản	Giường đôi 300-Q (2015*1629*740)mm gỗ sồi, gỗ thông	Bộ	30	114,0	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi xẻ, birch 1600*400*730mm	Cái	6	503,5	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi xẻ 1800*800*720mm	Cái	6	468,1	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi xẻ, 1100*300*1585mm	Cái	6	416,8	Cát Lái
Pháp	Bàn gỗ sồi KT : 2400/185*900*750mm	Cái	130	335,3	Cát Lái
	Tủ 3 cửa - gỗ thông(1800 - 435 - 850) mm - GEX799 - 923394	Cái	40	335,0	Cát Lái
	Kệ (1100x350x2000)mm, gỗ sồi	Cái	47	252,3	Cát Lái
	Nội gỗ thông(1,295 x 350 x 840)mm	Cái	30	228,5	Cát Lái
	Giường gỗ Sồi (1700 - 2100 - 700) mm - GJB380/K - 913095	Cái	50	158,0	Đồng Nai
Philippin	Kệ gỗ sồi ,code :FLOW-SB165-B, 165x46.5x80 cm	Cái	5	300,0	Cát Lái
Puerto Rico	Bàn mặt kính , kệ gỗ trầm , khung sắt,code :MAGI-CF-127-02 , kích thước : 127x66x45 cm	Cái	7	170,0	Cát Lái
	Tủ (62.87x17.99x35.16) inch, gỗ poplar, dùng trong phòng ngủ	Cái	31	165,0	Cát Mép
Rumani	Ghế Sofa 3 chỗ, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	7	418,5	Cát Lái
	Tủ chén D697-76 (1372 x 462 x 1372)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, gỗ anh đào)	Cái	8	155,3	Cát Lái
	Bàn ăn D697-35 (2233 x 1067 x 765)mm, sơn 3 lớp (làm từ gỗ cao su xẻ, gỗ anh đào)	Cái	43	121,8	Cát Lái
Singapore	Kệ ti vi gỗ thông, gỗ óc chó KT: L3353xW635x H2286mm.	Bộ	4	1.366,0	Cát Mép
	Bàn gỗ thông item code:20415.GR-220,KT:2134*508*737mm	Bộ	3	1.047,0	Cát Mép
	Tủ quần áo gỗ thông, gỗ óc chó,item code:20415.GR-213,KT:762*610*2083mm	Cái	3	615,0	Cát Mép
Thụy Điển	Bàn gỗ giá ty nhập khẩu kinh doanh,HLT1804# quy cách 3200/2700/2200x1000x760mm,	Cái	10	550,0	Cát Mép
	Ghế gỗ giá ty 800x790x700mm,	Cái	30	209,0	Cát Mép
Trung Quốc	Tủ (gỗ trầm bông vàng, xà cừ) (1829x457x972)mm	Cái	1	1.968,8	Cát Lái
	Bàn JR57-6011-01 -(gỗ trầm bông vàng, sồi, beech) (1930x1066x768)mm	Cái	1	1.958,2	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ sồi xẻ, nệm bọc vải Argo Sofa 2300*908*665mm	Cái	5	824,6	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Giường(1970 x2172 x1100)mm gỗ tần bì	Cái	22	357,0	Cát Lái
Uruguay	Tủ gỗ sồi,thông-REV-KC07/MT-(1420 x 455 x 1865)mm	Cái	20	580,0	Cont Spitc
	Bàn gỗ sồi,thông-REB-DSK04DLR/MT-(1500X 525 X 780)mm	Cái	70	191,0	Cont Spitc
	Giường gỗ thông,sồi-REB-DB05/MT-(2040x1490x1150)mm	Cái	15	146,0	Cont Spitc
Xâysen	Tủ (gỗ), item: 150-V60S-ANW gỗ dương, 1524*597*868mm	Cái	4	416,5	Cái Mép
	Giường em bé, Item: 17650474,gỗ thông, 1471*792*1299mm	Cái	8	160,7	Cát Lái
	Bàn trang điểm, màu đen, size:1491x440x872mm, Item: F2008-40 (B209-D), gỗ cao su	Cái	19	105,7	QT SP-SSA(SSIT)
Xamoa	Giường SUN-JN-200# gỗ cao su(2120*1018*740) mm	Bộ	564	64,0	Cái Mép
	Tủ trang điểm (F) gỗ dương, gỗ cao su (1422*457*889)mm	Cái	40	163,0	Cát Lái
	Bàn trang điểm (E) gỗ dương, gỗ tần bì(1219*559*794)mm	Cái	20	86,8	Cát Lái

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

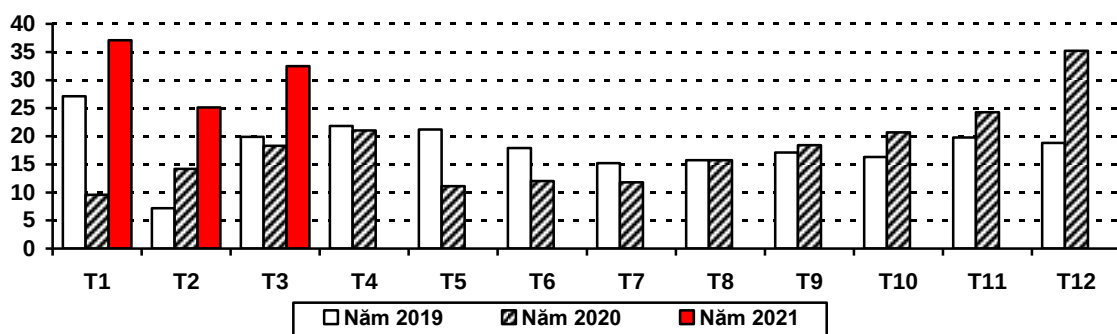
Nhập khẩu gỗ thông tăng mạnh

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 4/2021 ước đạt 157,4 nghìn m³, trị giá 34 triệu USD, tăng 4,3% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với tháng 3/2021; so với tháng 4/2020 tăng 57,4% về lượng và tăng 62,1% về trị giá. Tính chung, 4 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ thông ước đạt 596,8 nghìn m³, trị giá 128,8 triệu USD, tăng 100,5% về lượng và tăng 104,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 3/2021 đạt 151 nghìn m³, trị giá 32,5 triệu USD, tăng 27,7% về lượng và giảm 29,4% về trị giá so với tháng 2/2021; so với tháng 3/2020 tăng 78,1% về lượng và tăng 77,7% về trị giá. Tính chung, 3 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ thông đạt 439,3 nghìn m³, trị giá 94,8 triệu USD, tăng 122,4% về lượng và tăng 125,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu gỗ thông nguyên liệu của Việt Nam từ năm 2019 - 2021

(ĐVT:Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ thông loại xẻ đạt khối lượng 357 nghìn m³, trị giá 86,2 triệu USD, tăng 92,8% về lượng và tăng 112,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu gỗ thông tròn đạt 79,9 nghìn m³, trị giá 7,5 triệu USD, tăng 546,7% về lượng và tăng 407,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

+ Về thị trường nhập khẩu:

3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ thông tăng mạnh từ hầu hết các thị trường so với cùng kỳ năm 2021, ngoại trừ nhập khẩu từ một số thị trường giảm như: Côlômbia, Belize... Cụ thể:

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Nhập khẩu gỗ thông từ Chilê lớn nhất chiếm 26,2% tổng lượng nhập khẩu, đạt 115,1 nghìn m³, trị giá 28,7 triệu USD, tăng 61,1% về lượng và tăng 79,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu gỗ thông từ Braxin đạt 87,9 nghìn m³, trị giá 19,5 triệu USD, tăng 163,2% về lượng và tăng 186,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 20% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ thông từ New Zealand đạt 53,3 nghìn m³, trị giá 14,3 triệu USD, tăng 72,9% về lượng và tăng 95,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 12,1% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường EU đạt 39,8 nghìn m³, trị giá 9,6 triệu USD, tăng 115,7% về lượng và tăng 143,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lượng nhập khẩu gỗ thông từ một số nước tăng so với cùng kỳ năm 2020 như: từ Phần Lan tăng 62,5%; Tây Ban Nha tăng 2.019,1%; Thụy Điển tăng 160,8%; Hà Lan tăng 36,4%; Slovenia tăng 600,1%; Đức tăng 20,0%; Ba Lan tăng 113,6%; Estonia tăng 137,2%...

Trái lại, lượng nhập khẩu gỗ thông từ thị trường giảm như: từ Côlômbia giảm 81%; Belize giảm 63,6%... về lượng so với cùng kỳ năm 2020.

+ Về giá nhập khẩu:

Giá nhập khẩu bình quân chủng loại gỗ thông nguyên liệu 3 tháng đầu năm 2021 đạt 215,8 USD/m³, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, giá nhập khẩu từ Chilê tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2020 lên 249 USD/m³; từ Braxin tăng 8,9%, lên 222,5 USD/m³; từ New Zealand tăng 13,2% lên 269,1 USD/m³; từ EU tăng 13% lên 240,7 USD/m³.

Thị trường cung cấp gỗ thông cho Việt Nam 3 tháng đầu năm 2021

Thị trường	3 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng 3 tháng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	Năm 2021	Năm 2020
Tổng	439.343	94.825	215,8	122,4	125,3	1,3	100,0	100,0
Chilê	115.077	28.655	249,0	61,1	79,4	11,3	26,2	36,2
Braxin	87.869	19.547	222,5	163,2	186,6	8,9	20,0	16,9
New Zealand	53.281	14.340	269,1	72,9	95,8	13,2	12,1	15,6
Australia	45.578	3.921	86,0	4.444,0	1.846,7	-57,2	10,4	0,5
EU	39.801	9.581	240,7	115,7	143,8	13,0	9,1	9,3
Phần Lan	10.520	2.614	248,5	62,5	84,2	13,4	2,4	3,3
Tây Ban Nha	8.765	2.160	246,4	2.019,1	2.384,9	17,3	2,0	0,2
Thụy Điển	4.999	1.142	228,4	160,8	198,6	14,5	1,1	1,0
Hà Lan	4.401	1.017	231,1	36,4	41,4	3,7	1,0	1,6
Slovenia	2.789	591	211,8	600,1	770,0	24,3	0,6	0,2
Đức	2.531	576	227,4	20,0	61,4	34,4	0,6	1,1
Bỉ	2.081	493	237,0	-19,3	-9,8	11,8	0,5	1,3
Ba Lan	1.633	395	241,7	113,6	137,9	11,4	0,4	0,4
Estonia	936	349	373,2	137,2	133,5	-1,6	0,2	0,2
Uruguay	23.717	5.333	224,9	185,6	196,8	3,9	5,4	4,2
Mỹ	20.384	2.545	124,8	54,1	78,0	15,5	4,6	6,7
Trung Quốc	18.574	2.899	156,1	6.008,6	2.550,1	-56,6	4,2	0,2
Achentina	15.525	3.645	234,8	73,3	96,7	13,5	3,5	4,5
Nga	4.387	1.058	241,1	233,6	298,0	19,3	1,0	0,7
Canada	3.907	730	187,0	123,2	51,5	-32,1	0,9	0,9

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	3 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng 3 tháng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	Năm 2021	Năm 2020
Côxta Rica	2.016	494	244,9	48,2	64,5	11,0	0,5	0,7
Hàn Quốc	1.624	135	83,3				0,4	0,0
Nhật Bản	1.216	254	208,7	14,1	-5,6	-17,3	0,3	0,5
Ukraina	1.200	332	276,4	103,8	186,6	40,7	0,3	0,3
Đài Loan	893	268	299,9	688,7	792,5	13,2	0,2	0,1
Singapore	882	231	261,8				0,2	0,0
Côlômbia	816	196	240,7	-81,0	-79,0	10,4	0,2	2,2
Vênêđuêla	545	126	230,6				0,1	0,0
Malaysia	393	96	244,8				0,1	0,0
Belize	387	90	232,0	-63,6	-60,9	7,4	0,1	0,5
Andora	237	59	250,0				0,1	0,0
PN. Guinea	197	50	255,0				0,0	0,0

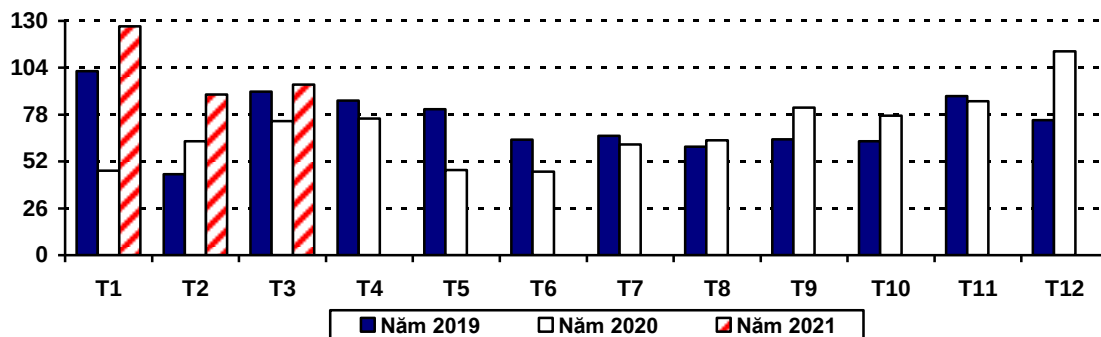
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường CPTPP tăng mạnh

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường CPTPP trong tháng 3/2021 đạt 94,62 nghìn m³, với trị giá 25,12 triệu USD, tăng 6,1% về lượng và tăng 15,1% về trị giá so với tháng 02/2021; tăng 27,3% về lượng và tăng 35,0% về trị giá so với cùng kỳ 2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường CPTPP đạt 310,75 nghìn m³, với trị giá 77,36 triệu USD, tăng 68,4% về lượng và tăng 66,8% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

Việt Nam có nhu cầu gỗ nguyên liệu rất lớn nên vẫn phải nhập khẩu từ nhiều quốc gia khác nhau. Trong khi đó, ngày càng nhiều thị trường nhập khẩu sản phẩm gỗ quy định về nguồn gốc gỗ, gỗ hợp pháp, đòi hỏi Việt Nam phải siết chặt quản lý nguồn gỗ nhập khẩu. Nhập khẩu gỗ từ các thị trường trong nội khối CPTPP sẽ được hưởng các lợi ích trong việc chứng minh được xuất xứ (C/O) dễ dàng, thuận lợi khi xuất khẩu sản phẩm gỗ vào các thị trường này; đặc biệt đây là nguồn cung ứng gỗ có sản lượng khai thác lớn và ổn định hàng năm, đảm bảo tính hợp pháp. Sau khi giảm trong năm 2019 và nửa đầu năm 2020, thì kể từ nửa cuối năm 2020, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường CPTPP tăng trở lại.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ các thị trường CPTPP (ĐVT: nghìn m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường cung cấp

Trong các thị trường CPTPP, ngoại trừ Brunei, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ 9 thị trường còn lại. Trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ 2 thị trường Malaysia và Mêhicô giảm so với cùng kỳ 2020; nhập khẩu từ các thị trường còn lại đều tăng, trong đó nhập khẩu từ thị trường Australia và Singapore tăng rất mạnh.

- *Chilê*: Đây là thị trường trong CPTPP cung cấp nhiều nhất gỗ nguyên liệu cho Việt Nam. Chilê là quốc gia được xếp hạng rủi ro thấp theo đánh giá của các tổ chức quốc tế khi xuất khẩu sang thị trường Việt Nam.

Theo thống kê, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Chilê về Việt Nam trong tháng 3/2021 đạt 38,06 nghìn m³, với trị giá 9,99 triệu USD, tăng 15,8% về lượng và tăng 23,5% về trị giá so với tháng 02/2021; tăng 15,8% về lượng và tăng 30,9% về trị giá so với cùng kỳ 2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Chilê đạt 117,26 nghìn m³, với trị giá 29,34 triệu USD, tăng 60,3% về lượng và tăng 75,5% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

Việt Nam gần như chỉ nhập khẩu gỗ thông xẻ từ Chilê, chiếm 98% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2021, đạt 114,62 nghìn m³, với trị giá 28,54 triệu USD, tăng 60,5% về lượng và tăng 78,8% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

- *New Zealand*: Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường New Zealand về Việt Nam trong tháng 3/2021 đạt 18,0 nghìn m³, với trị giá 5,12 triệu USD, giảm 10,5% về lượng và giảm 13,9% về trị giá so với tháng 02/2021; giảm 2,9% về lượng, nhưng tăng 9,8% về trị giá so với cùng kỳ 2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ từ New Zealand đạt 71,83 nghìn m³, với trị giá 20,51 triệu USD, tăng 59,3% về lượng và tăng 71,0% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

Gỗ thông xẻ là chủng loại được nhập khẩu nhiều nhất từ New Zealand. Ngoài ra, ván sọc cũng được các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu nhiều từ thị trường này. 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ thông xẻ từ New Zealand đạt 53,21 nghìn m³, với trị giá 14,32 triệu USD, tăng 76,0% về lượng và tăng 99,0% về trị giá so với cùng kỳ 2020; nhập khẩu ván sọc từ thị trường này đạt 16,43 nghìn m³, với trị giá 5,63 triệu USD, tăng 21,5% về lượng và tăng 36,0% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

- *Australia*: Những tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Australia tăng mạnh, đưa thị trường này đứng thứ 3 trong số các thị trường CPTPP cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam, đạt 14,79 nghìn m³, với trị giá 1,37 triệu USD trong tháng 3/2021, tăng 0,9% về lượng, nhưng giảm 9,2% về trị giá so với tháng 02/2021; tăng 1.610% về lượng và tăng 415,3% về trị giá so với cùng kỳ 2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Australia đạt 50,51 nghìn m³, với trị giá 5,07 triệu USD, tăng 1.445% về lượng và tăng 407,8% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Australia trong 3 tháng đầu năm 2021 chủ yếu là gỗ thông tròn, chiếm 86% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ thị trường này, đạt 43,26 nghìn m³, với trị giá 3,37 triệu USD.

- *Malaysia*: Những năm trước Malaysia là thị trường trong CPTPP cung cấp nhiều nhất gỗ nguyên liệu cho Việt Nam; nhưng kể từ năm 2018 đến nay, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường này giảm mạnh. Theo thống kê, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Malaysia trong tháng 3/2021, đạt 9,80 nghìn m³, với trị giá 3,11 triệu USD, tăng 24,3% về lượng và tăng 38,0% về trị giá so với tháng 02/2021; giảm 32,8% về lượng và giảm 9,6% về trị giá so với cùng kỳ 2020. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Malaysia đạt 30,09 nghìn m³, với trị giá 8,66 triệu USD, giảm 34,0% về lượng và giảm 18,8% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Nhập khẩu gỗ từ Malaysia về Việt Nam giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm 2021 chủ yếu là do nhập khẩu gỗ tròn và ván sọc giảm mạnh. Nhập khẩu gỗ tròn giảm 99,2% về lượng và giảm 99,1% về trị giá so với cùng kỳ 2020; nhập khẩu gỗ ván sọc giảm 73,5% về lượng và giảm 74,3% về trị giá.

Các thị trường CPTPP cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam

(Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 3/2021		So với tháng 02/2021 (%)		So với tháng 3/2020 (%)		3 tháng năm 2021 (%)		So với 3 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	94.618	25.117	6,1	15,1	27,3	35,0	310.748	77.362	68,4	66,8
Chile	38.062	9.987	15,8	23,5	15,8	30,9	117.258	29.345	60,3	75,5
New Zealand	17.996	5.123	-10,5	-13,9	-2,9	9,8	71.826	20.514	59,3	71,0
Australia	14.785	1.372	0,9	-9,2	1.610,5	415,3	50.507	5.066	1.444,8	407,8
Malaysia	9.798	3.107	24,3	38,0	-32,8	-9,6	30.088	8.659	-34,0	-18,8
Canada	4.824	1.989	-54,8	-37,5	2,7	24,1	23.925	8.005	120,7	114,1
Nhật Bản	2.998	799	43,1	93,0	51,0	45,5	7.629	1.729	65,4	32,0
Singapore	4.987	2.232	-	-	7.547,0	23.608,0	6.718	2.826	6.115,5	5.009,0
Pêru	1.167	507	30,0	31,7	94,1	78,5	2.727	1.167	72,0	81,7
Mêhicô	0	0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	69	51	-75,6	-79,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Chủng loại nhập khẩu:

Gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sọc và ván dăm là 4 chủng loại gỗ được nhập khẩu nhiều nhất từ các thị trường CPTPP trong 3 tháng đầu năm 2021. Trong số này, chỉ có ván sọc giảm, nhập khẩu các chủng loại còn lại đều tăng mạnh so với cùng kỳ 2020.

- Gỗ xẻ là chủng loại được nhập khẩu nhiều nhất từ các thị trường CPTPP trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 199,59 nghìn m³, với trị giá 55,44 triệu USD, tăng 69,8% về lượng và tăng 85,2% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

- Gỗ tròn là chủng loại được nhập khẩu nhiều thứ 2 từ các thị trường CPTPP trong 3 tháng đầu năm 2021, đạt 58,21 nghìn m³, với trị giá 6,76 triệu USD, tăng 208,5% về lượng và tăng 66,7% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

- Nhập khẩu ván dăm trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 32,62 nghìn m³, với trị giá 8,30 triệu USD, tăng 23,6% về lượng và tăng 47,2% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

- Nhập khẩu ván sọc từ Australia trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 18,87 nghìn m³, với trị giá 6,34 triệu USD, giảm 11,2% về lượng và giảm 2,3% về trị giá so với cùng kỳ 2020.

Các mặt hàng gỗ nhập khẩu từ các thị trường CPTPP trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2021 (Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 3/2021		So với tháng 02/2021 (%)		So với tháng 3/2020 (%)		3 tháng năm 2021		So với 3 tháng năm 2020 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		94.618	25.117	6,1	15,1	27,3	35,0	310.748	77.362	68,4	66,8
Gỗ xẻ	Thông	53.240	13.910	15,7	18,4	13,4	30,0	174.030	44.381	66,5	85,6
	Cao su	706	158	-48,3	-61,6	63,5	12,4	2.839	782	459,5	324,3
	Gỗ	1.241	764	393,6	880,0	1.258,9	2.687,0	1.549	872	1.275,4	2.409,8
	Meranti	815	419	219,7	365,9	2,2	2,4	1.511	756	-18,5	-13,3
	Thích	295	222	-24,2	-7,9	-42,6	-23,9	1.452	869	29,1	38,1
	Lim	1.256	602	5.667,5	8.145,2	1.630,0	988,3	1.318	629	1.715,6	1.038,4
	Linh sam	277	52	-45,2	-57,1	-	-	1.160	262	916,7	486,6
	Tuyết tùng	396	219	61,3	79,2	154,6	194,9	1.086	551	9,6	109,7

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 3/2021		So với tháng 02/2021 (%)		So với tháng 3/2020 (%)		3 tháng năm 2021		So với 3 tháng năm 2020 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
	Ốc chó	354	376	-12,0	-0,7	27,3	138,3	960	940	54,8	132,1
	Kempas	349	148	227,8	225,7	301,7	225,7	702	292	-2,7	-1,2
	Sồi	426	289	119,1	184,5	365,5	578,7	676	429	123,0	153,6
	Hương	564	158	1.020,2	747,6	289,5	99,6	634	186	222,9	68,0
	Gỗ tạp xẻ	243	99	-	-	-	-	560	234	-	-
	Tần bì	106	62	-65,3	-61,4	245,2	222,0	464	248	667,2	557,2
	Dương	228	150	207,5	450,7	-9,1	103,6	412	213	-17,0	44,3
	Vân sam	28	5	-	-	-	-	311	76	-	-
	Pơmu	165	101	-	-	139,7	111,1	259	154	36,1	29,3
	Tổng	63.759	18.907	18,9	29,6	23,7	43,9	199.587	55.439	69,8	85,2
Gỗ tròn	Thông	13.699	1.082	-5,0	-9,0	1.371,0	476,9	45.749	3.711	2.854,0	1.001,6
	Tuyết tùng	1.877	330	13,0	19,8	130,0	182,7	4.944	812	123,3	158,2
	Bạch đàn	0	0	-100,0	-100,0	-	-	1.196	281	341,0	344,1
	Teak	230	136	-	-	-38,6	-38,3	569	309	31,8	26,6
	Xoan	115	60	8,9	6,3	1,2	4,6	255	133	41,7	51,7
	Xà cừ	161	39	-	-	147,4	315,5	236	57	262,0	501,1
	Keo	0	0	-	-	-	-	192	35	-10,4	13,7
	Pơmu	58	25	-	-	-54,5	-45,9	180	60	16,0	15,0
	Tổng	17.826	2.182	-3,0	-2,3	170,7	51,2	58.211	6.760	208,5	66,7
Ván dăm		7.088	1.956	-37,5	-34,9	-34,6	-14,0	32.618	8.298	23,6	47,2
Ván sợi		5.384	1.806	-1,5	-4,7	0,7	5,6	18.868	6.338	-11,2	-2,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tham khảo một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường CPTPP đạt trị giá cao trong 3 tháng đầu năm 2021

DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU	3T/2021 (nghìn USD)	So với 3T/2020 (%)
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	7.180	169,8
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỖNH LÊ	5.386	38,4
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	4.722	49,0
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN LỘC	3.116	212,1
CTY TNHH BẮC HOÀNG	2.327	281,1
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN PHÚ	1.970	81,5
CTY TNHH GỖ VIỆT NAM VIỆT TRIỂN	1.844	-
CTY TNHH EIDAI VIỆT NAM	1.658	28,7
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LÂM SẢN SÀI GÒN	1.637	59,2
CTY TNHH AEROTACT TN	1.446	-
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	1.388	99,0
CTY TNHH GỖ HẠNH PHÚC	1.320	283,4
CTY TNHH LONG HƯNG	1.226	-
CTY TNHH TIẾN TRIỂN VIỆT NAM	1.182	99,4
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHẤT GỖ	1.111	441,4
CTY CỔ PHẦN GREEN RIVER FURNITURE	1.089	16,1
CTY TNHH YUAN CHANG	1.081	249,9
CTY TNHH ĐỒNG QUỐC HƯNG	1.024	111,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU	3T/2021 (nghìn USD)	So với 3T/2020 (%)
TỔNG CTY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM	957	-
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VITANA	899	1.706,3
CTY CỔ PHẦN LE LUMBER	786	-
CTY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ NAM ANH	774	135,6
CTY TNHH SẢN XUẤT THANH TRƯỢT HỢP HƯNG	712	179,9
CTY TNHH ĐỒ GỖ GIA DỤNG DINH GIA VN	706	104,2
CTY TNHH QUỐC TẾ RETURN GOLD	704	130,7
CTY TNHH RONG HE FURNITURE	648	1.614,3
CTY TNHH GỖ PHƯƠNG ĐÔNG	644	504,2
CTY TNHH GIẤY LIANN WAN (VIỆT NAM)	640	-9,4
CTY TNHH CNBM VIỆT NAM	577	-
CTY CỔ PHẦN JOHNSON WOOD	495	1.699,4
CTY TNHH JADE INTERNATIONAL	483	-66,3
CTY TNHH RIVER RICH INDUSTRIAL	477	108,8
CTY TNHH MAEVE FURN	472	142,3
CTY TNHH GỖ LIAN CHUEN	468	-
CTY CỔ PHẦN POH HUAT VN	459	137,8
CTY TNHH INTERWOOD VIỆT NAM	442	-
CTY TNHH LODE STAR	428	-25,5
CTY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THẢO KHOA	413	323,3
CTY TNHH DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU SG FURNITURE & LUMBER	409	111,0
CTY TNHH MỘC NGHỆ THUẬT	399	2,2
CTY TNHH GỖ KHANG MY	390	851,1
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC TƯỜNG	383	-39,7
CTY TNHH SX & TM -DV THỊNH NGUYỄN PHÁT	377	37,2
CTY TNHH NỘI THẤT MADELEINE SANGZOM	365	215,5
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NIKODO	365	-31,6
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP VIỆT PHÁT VIỆT NAM	354	649,8
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	353	149,9
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TRÍ DŨNG	349	-
CTY TNHH GHP INTERNATIONAL VIỆT NAM	349	-5,2
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC THIỆN	349	45,9

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

(Từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021)

Trong tuần từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 72,3 triệu USD, giảm 4,0% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 3,4%; Mỹ giảm 15,4%; Thái Lan giảm 36,8%; Chilê giảm 21,2%; Braxin giảm 42,7%; Nga giảm 27%; Đức giảm 7,3%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Hồng Kông tăng 56,9%; Lào tăng 184,7%; Đài Loan tăng 72,8%; Đan Mạch tăng 370,1%; Belize tăng 71,0%; Pháp tăng 35,3%; New Zealand tăng 38,4%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021 (ĐVT; nghìn USD)

Thị trường	Tuần từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021	So với tuần trước (%)
Tổng	72.278	-4,0
Trung Quốc	24.345	-3,4
Hồng Kông	9.834	56,9
Mỹ	7.699	-15,4
Lào	4.814	184,7
Thái Lan	2.085	-36,8
Đài Loan	2.071	72,8
Chilê	1.640	-21,2
Braxin	1.506	-42,7
Đan Mạch	1.304	370,1
Singapore	1.212	114,5
Belize	1.153	71,0
Nga	1.001	-27,0
Pháp	946	35,3
Đức	922	-7,3
New Zealand	851	38,4
Bỉ	850	-57,8
Nhật Bản	771	-16,7
Phần Lan	694	-1,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 11/5/2021 đến 19/5/2021

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cảng-cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó dài 1.8->5.7M, đk 20->50cm	66	380,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó tròn đk:35.6-50.8cm, dài:2.75-3.05m	4	270,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó xẻ sấy dày 32mm, dài 1.830-4.880m	30	741,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ bằng lăng cao 17cm - 52cm, rộng 18cm - 56cm, dài 210cm - 720cm	58	200,0	Campuchia	Phước Long	C&F
Gỗ bạch đàn tròn 300-500mm x 5800mm	329	162,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ sấy 25 x 75 x (900-4200)mm	3	841,1	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ căm xe xẻ cao 20cm - 45cm, rộng 20cm - 46cm, dài 200cm - 600cm	59	200,0	Campuchia	Phước Long	C&F
Gỗ cao su ghép 20*150*310-380mm	8	474,3	Indonesia	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ 18 x 56/60 x 1000 (mm)	118	223,5	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ sấy (KT: 18 X 63-77 X 250-350)mm	22	200,1	Myanma	Cát Lái	CFR
Gỗ cao su xẻ, dày 21mm, rộng 50.8-63.5mm, dài 1000-1100mm	339	302,6	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ dương 389mm*14.8mm*24.8mm	117	219,0	Trung Quốc	Cảng Xanh	CFR
Gỗ dương tròn (đk: phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	54	220,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ (384-2438*40-76*19)mm	71	1.000,0	Anh	Cát Lái	C&F
Gỗ dương xẻ (Poplar) (T32mm*100mm+*2,7m+)	24	343,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ dài 2000-2050mm, rộng 50-350mm, dày 25-27mm	212	310,0	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ sấy 22mm x 100mm x D 2m	29	312,7	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ sấy 5.08cmx7.62-38.10cm dài 2.74- 4.27m	35	400,1	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 26mm	93	480,2	Bỉ	Cont Spite	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 26mm, dài 2.0m	40	446,4	Slovenia	Cát Lái	CFR

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cảng-cửa khẩu	Mã GH
Gỗ dẻ gai xẻ dày 26mm, dài 2.1 m	27	330,3	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy dày 50mm	18	221,2	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy dày: 26mm	24	316,2	Ba Lan	Cát Lái	CFR
Gỗ gỗ dài 120cm, rộng 10cm, dày 10cm	20	300,0	Gana	Cont Spitc	FOB
Gỗ gỗ dài 200cm, rộng 25cm, dày 25cm	24	250,0	Trung Quốc	Cont Spitc	FOB
Gỗ gỗ dài 240 cm, rộng 25cm, dày 30cm	20	250,0	Uganda	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ dày 20-80cm, rộng 20-80cm, dài 2-3m	80	210,0	Nigêria	Cont Spitc	FOB
Gỗ gỗ dạng xẻ dày (20-51)cm, rộng (40-62)cm, dài (180- 360)cm	20	190,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ dày (10-51)cm, rộng (40-62)cm, dài (150 - 350)cm	227	190,0	Dambia	Nam Hải	C&F
Gỗ hương đá xẻ dày 14-20 cm, rộng 18-46 cm, dài 220 - 300 cm	154	200,0	Ângôla	Nam Hải	C&F
Gỗ hương xẻ dày 1-28cm,dài 5-310cm, rộng 3-100cm	23	700,0	Lào	Hải Phòng	CIF
Gỗ lim dài: 2-7.45m đk: 22-69cm	106	608,4	Australia	Hải Phòng	CIF
Gỗ lim xanh dày 24-65cm, rộng: 31-68cm, dài 300cm	36	250,0	Campuchia	Cảng Xanh	C&F
Gỗ lim xanh xẻ dày 13-68cm, rộng 15-75cm, dài 300cm	36	250,0	Campuchia	Cảng Xanh	C&F
Gỗ sồi đỏ đk: 33.1-58.4cm, dài:2.44-3.05m	142	260,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ Sồi đỏ xẻ dày 19mm, rộng 100mm, dài 2000mm	83	573,0	Nhật Bản	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ (27 x210 x1250~1950)mm	85	1.089,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ (dài: 200-400cm, rộng 10- 46cm, dày 32mm)	28	477,8	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 25.4 x (101.6-330.2)x(1524-4876.8)mm	29	518,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ dày:26mm, dài: 70cm - 190cm	24	354,0	Anh	Cát Lái	CFR
Gỗ sồi tròn (400upx3000up)mm	174	439,9	Pháp	Cont Spitc	CIF
Gỗ Sồi xẻ (T38mm*100mm*+2m+)	30	531,0	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ 26 x (195 - 288) x (1800 - 4000)mm	26	471,9	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ dày: 26mm, dài 2.0m	4	499,4	Slovenia	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì khúc tròn đk: 30cm, dài 2.4m	377	221,8	áo	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì trắng dài: 2.3 m- 11.5m, đk:38cm-76cm	110	248,7	Canada	Hải Phòng	CFR
Gỗ tần bì tròn đk (30-39)cm, dài (2,3-11,5)m	5	194,5	Slovakia	Cảng Xanh	CIF
Gỗ tần bì tròn đk 40-80cm, dài 3.1-11.9m	148	215,9	Pháp	Đình Vũ	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 23-29 cm, dài 3.6-11.6m .	30	142,8	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 2.5m, đk 30cm	89	186,4	Bỉ	Nam Hải	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 2.5m, đk 30cm - 39cm	64	200,6	Thụy Sĩ	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3m, đk 30cm -39cm	121	181,7	Đan Mạch	Cảng Xanh	CIF
Gỗ thông (22/32/38/45/50 x 75-200 x 2100-3600)mm	581	210,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông vàng đk 8inch x dài: 2.4m	155	110,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (22 X 125-175 X 2100 X 5400)mm	258	235,0	Philippines	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (40*30)cm*3000mm	4	430,4	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 15*77*2050mm	45	220,0	Đức	Nam Hải	CFR
Gỗ thông xẻ 22mm x 100mm x 1.8m	202	200,0	Chile	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 22mmX74~152mmX2440~4880mm	98	295,0	Argentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 31;40mm x 100mm x 2.54m	316	245,0	Tây Ban Nha	Cont Spitc	CIF
Gỗ thông xẻ sậy 15mm x 100/140mm x 1.80M	100	185,0	Brasil	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy 38x 200mm x (2100mm - 6000mm)	170	180,0	New Zealand	Cont Spitc	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 12mm. dài (3600-6000)mm	95	475,0	Estonia	Cát Lái	CPT
Gỗ thông xẻ sậy dày 22mm; rộng 175mm; dài 2.25mm	2	249,6	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk 30 cm, dài 5.7 m	306	155,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tuyết tùng (dày 31.5mm x rộng 103mm)	4	534,1	Nhật Bản	Tiên Sa	C&F
Gỗ vân sam xẻ 32mmX125mmX3600~5400mm	86	255,0	Philippines	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ sậy dày 21-22mm, rộng 120-150mm, dài 2990-4000mm	242	245,0	áo	Cát Lái	CFR

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cảng-cửa khẩu	Mã GH
Gỗ xà cừ xẻ dày 24 - 117cm, rộng 40 - 140 cm, dài 200 - 570cm	253	130,0	Dambia	Nam Hải	C&F
Gỗ xẻ bạch đàn dày 32mm	2	304,7	Braxin	Quy Nhơn	CIF
Gỗ xoan đào đk 73-124 cm. dài 4.8-9.9 m	64	407,8	Bồ Đào Nha	Nam Hải	CFR
Gỗ xoan đào dày 33 - 91 cm, rộng 35 - 80 cm, dài 300 - 590 cm	202	140,0	Hồng Kông	Nam Hải	C&F
Ván dăm (1220x2440x15)mm	253	166,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván dăm 18 x 1525 x 2440mm	58	180,0	Hồng Kông	Cát Lái	CFR
Ván dăm 2440mm x 1220mm x 15mm	379	187,0	Malaysia	Cát Lái	C&F
Ván ép (12*1220*2440)mm	54	405,0	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Ván MDF (15 x 1220 x 2440)mm	33	255,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Ván MDF (3mm x 1220mm x 2440mm)	61	320,0	Indonesia	Cát Lái	CFR
Ván MDF 14mm x1220mm x 2440mm	38	205,0	Hồng Kông	Tân Cảng	CFR
Ván MDF 15.0mmx1220x2440mm	129	235,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Ván MDF 17mm x 1220mm x 2440mm	419	188,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF 18mm (18 x 1550 x 2465)mm	144	289,9	Belize	Cont Spitc	CFR
Ván PB 1220mm x 2440mm x 15mm	530	185,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván Plywood (189*260*18)mm	3	200,0	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Ván plywood (9*1220*2440)mm	54	435,0	Belize	Cát Lái	CIF

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 27/4/2021 đến 12/5/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 27/4/2021 đến 12/5/2021 đạt 38,43 triệu USD, giảm 3,8% so với kỳ trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 22,43 triệu USD, giảm 1,9%; lục bình đan đạt 4,29 triệu USD, giảm 3,5%; cói đan đạt 3,53 triệu USD, giảm 17,5%; tre đan đạt 2,68 triệu USD, giảm 13,2%; mây đan đạt 1,88 triệu USD, tăng 22,7%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 56 thị trường, trong đó có 6 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD: Mỹ đạt 12,26 triệu USD, giảm 25,6% so với kỳ trước; Hồng Kông đạt 10,72 triệu USD, tăng 19.573%; Nhật Bản đạt 2,35 triệu USD, giảm 14,5%; Đức đạt 1,30 triệu USD, giảm 12,4%; Anh đạt 1,11 triệu USD, giảm 62,8%; Tây Ban Nha đạt 1,06 triệu USD, giảm 47,5%.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Ghế mây, kích thước 162 x 74 x 82 (cm), xuất khẩu sang Argentina có giá 309,5 USD/cái (FOB cảng Cảng Xanh); thảm cói vuông (1080 x 270cm) xuất khẩu sang Nam Phi có giá 207 USD/cái (FOB cảng Cảng Xanh); Chậu tre vuông bộ 5 – KT: 70.0 x 70.0 x 70.0H/60.0 x 60.0 x 60.0H/50.0 x 50.0 x 50.0H/40.0 x 40.0 x 40.0H/30.0 x 30.0 x 30.0H(cm), xuất khẩu sang Hồng Kông có giá 159,0 USD/bộ (FOB cảng Phước Long); Vách ngăn mây, kích thước 20 x 3 x 173 (cm), xuất khẩu Singapore có giá 146 USD/cái (FOB cảng Cảng Xanh)...

Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mành	Giỏ bèo bộ 2 chiếc, kích thước L: Dĩa 40x H29 S: Dĩa 34x H27 cm	Bộ	1.100	15,0	Cảng Xanh
	Đèn lồng mây D28xh55/65cm	Cái	700	9,0	Cảng Xanh
	Hộp sơn mài, kt 24x18x12cm	Cái	150	4,0	Tân Vũ
Đức	Thảm cói, buồng SIZE 180X120 cm	Cái	50	21,4	Tân Vũ
	Ghế tre có bọc vải QC: 120x58x86cm	Cái	490	17,7	Transimex
	Sọt cói, KT: 44x33x25cm 40x29x22cm; 36x25x19cm; 32x21x16cm	Bộ	496	13,3	Tân Cảng

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Giỏ bèo TAB2010233 ; KT: Dĩa 27cm x 24/38cm	Cái	2.000	10,0	Tân Vũ
	Đèn mây 20x20xh25/36 cm	Cái	800	9,2	Hải Phòng
Achentina	Ghế mây, kích thước 162 x 74 x 82 (cm)	Cái	3	309,5	Cảng Xanh
	Bộ 3 giỏ bèo (Dĩa 40 x H40 cm)	Bộ	30	37,1	Tân Vũ
	Khay tre (Dĩa 40 x H5 cm)	Cái	200	5,5	Tân Vũ
Anh	Rương lục bình bộ 6 , Mh WH0083-6N, KT 50 x 40 x 70 cm	Bộ	30	44,1	Cát Lái
	Rổ lục bình bộ 4, Quy cách: 61cm x 50cm x 30cm, 52cm x 40cm x 26cm, 42cm x 30cm x 22cm, 32cm x 20cm x 18cm	Bộ	250	27,9	Cát Lái
	Sọt cối bộ 3, Mh SF0015-3N, KT 46.5 x 75.5 x 25 cm	Bộ	150	14,0	Cát Lái
	Bát tre ghép màu đồng, kích thước: (D30H7)cm	Cái	250	6,7	Hải Phòng
	Đĩa cối trang trí. Kích thước: L: 33xW: 33xH: 5 (cm).	Cái	400	4,9	Hải Phòng
Australia	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 71x30xH76cm-HGH22	Cái	36	76,8	Cảng Xanh
	Đôn sơn mài cốt tre, kích cỡ D36xH58cm -HGH22	Cái	48	34,1	Cảng Xanh
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ D40xH65cm -HGH22	Cái	108	27,7	Cảng Xanh
	Thùng lục bình bộ 3, KT :44.5x34.5xH60.5cm, 37.5x27.5xH55.5cm; 32x22xH51cm	Bộ	180	24,0	Cát Lái
	Rổ lục bình, quy cách: 80cm x 42cm x 44cm	Cái	130	22,6	Cát Lái
	Bát tre (D30x13cm)	Cái	100	6,3	Cát Lái
Bỉ	Rương lục bình bộ 3 cái Kích thước: 70x44x45cm, 60x36x40cm, 50x30x34cm	Bộ	446	35,0	Cảng Xanh
	Sọt lục bình bộ 2 cái, KT: D45H54cm, D39H45cm	Bộ	585	21,5	Cảng Xanh
Canada	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 771x30x86cm	Cái	350	90,8	Tân Vũ
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ D76xH40cm-HGH461	Cái	80	46,5	Tân Vũ
	Khung gương mây (Kích thước: 140 x 50 cm)	Cái	115	17,2	Tân Vũ
	Thùng cối tròn D42/46/34xH48/56cm	Cái	140	16,7	Tân Vũ
	Đèn lồng mây PS2010 95 ;KT : Dĩa 21cm x 32cm	Cái	1.000	7,6	Hải An
	Giỏ cối ô van 40/43x30xH23/28cm	Cái	120	7,5	Tân Vũ
Hàn Quốc	Bộ 03 chiếc khay mây, kích thước 40x30xH6 cm, 36x26xH5.532x24xH5cm.	Bộ	96	28,0	Cảng Xanh
	Lăng oval đan mây; k/t: 36 x 26 x H13/30cm	Bộ	40	20,5	Green Port
	Ghế mây, kích thước phi 40 x h47 (cm)	Cái	250	18,5	Tân Vũ
	Thảm đan từ cối và bẹ ngô, model R063, size M, đường kính 130 cm	Cái	100	15,6	Đình Vũ
	Bát tròn đan mây; k/t: Dĩa30 x H6cm	Bộ	48	14,2	Green Port
Hong Kong	Chậu tre tráng xi măng hình vuông Bộ 5 - KT 70.0x70.0x70.0H/ 60.0x60.0x60.0H/ 50.0x50.0x50.0H/ 40.0x40.0x40.0H/ 30.0x30.0x30.0H(cm)	Bộ	8	159,0	Phước Long
	Sọt bèo tròn vát đáy (Dĩa37 H33/39.5 cm)	Cái	500	5,7	Cảng Xanh
Hy Lạp	Bộ 2 khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 40X25X6.5 CM và 50X35X6.5 cm	Bộ	25	48,0	Hải Phòng
	Bộ 2 hộp sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 25X17.5X10 CM và 30X20X15 cm	Bộ	30	32,0	Hải Phòng
	Thang tre. KT: 50X150 cm	Cái	60	11,6	Cát Lái
	Bộ giỏ cối, kích thước phi 40xH37, phi 35xH33, phi 30xH28, phi 25xH23, phi 20xH18 (cm)	Bộ	50	11,5	Hải Phòng
Ixraen	Đôn cốt tre, khảm trai (D35.5xH50cm)	Cái	162	39,2	Tân Vũ
	Sọt lục bình bộ 3, KT : 45x36xH64cm; 40x30xH60cm; 35x25xH56cm	Bộ	240	26,8	Transimex
	Chao đèn mây (D50xH40cm)	Cái	60	20,9	Tân Vũ
	Kệ mây, mã: K-915, kích thước: 33XH80(cm)	Cái	50	19,3	Tân Vũ
	Bàn mây, mã: CT-913, kích thước: D60xh38(cm)	Cái	40	18,8	Tân Vũ
Mỹ	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 71x30x76cm	Cái	240	74,0	Tân Vũ
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ D76xH43cm-HGH43	Cái	300	56,3	Tân Vũ
	Thảm chất liệu cối hình chữ nhật kích thước 360*270cm	Cái	200	55,1	Lạch Huyện

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Bộ ghế sofa tre (1 bộ = 2 cái, QC: 70x70x60cm - 65x70x60cm)	Bộ	247	47,5	Cát Lái
	Chậu tre trắng xi măng hình chữ nhật - KT 80.0x40.0x41.0H(cm)	Cái	24	40,8	Phước Long
	Giỏ tre (bộ 2), kích cỡ 45x45xH43cm; 40x40xH38 cm	Bộ	40	38,2	Hải Phòng
	Khung gương sơn mài cốt tre, kích cỡ 98x70x2.5 cm	Cái	328	37,9	Lạch Huyện
	Bộ 6 rổ cói hình chữ nhật, (22.86x30.5x15.2)cm	Bộ	60	21,8	Cát Lái
Nam Phi	Thảm cói vuông (1080x270cm)	Cái	50	207,0	Cảng Xanh
	Hộp sơn mài cốt tre TO20102 KT:Đĩa 23cm x 40cm	Cái	1.000	8,2	Cảng Xanh
Nhật Bản	Giỏ cói tròn có nắp size L kích thước : R 36 X H 39/50 cm	Cái	132	16,4	Tân Vũ
	Giỏ mây chữ nhật 40x26x24cm	Cái	234	11,9	Cảng Xanh
	Đệm bèo tự nhiên, kích thước phi 38 H40 cm	Cái	250	8,6	Hải Phòng
Panama	Thùng cói 40X49cm	Cái	112	19,0	Cảng Xanh
	Lọ cói, KT: 32X45cm	Cái	112	12,5	Cảng Xanh
	Khay cói 35X6cm	Cái	168	10,4	Cảng Xanh
Pháp	Sọt lục bình màu tự nhiên, L.50xh38 cm; M.45xh35 cm; S. 4Dxh33 cm	Bộ	650	28,3	Tân Vũ
	Khung gương cói mã :VC-CSE03, kích thước D40/110 cm	Cái	52	17,6	Cảng Xanh
	Chao đèn tre sản xuất từ tre đan - Đĩa 35 x H50 cm	Cái	200	16,0	Cảng Xanh
	Giỏ cói KC2012122/2; KT:25 cm x 25cm x 15cm	Cái	1.100	13,9	Tân Vũ
	Khung gương tre mã : MIVT-100, kích thước D100 cm	Cái	618	12,7	Cảng Xanh
Singapore	Vách ngăn mây, kích thước 20 x 3 x 173 (cm)	Cái	12	146,0	Cảng Xanh
	Kệ sách mây, kích thước 80 x 40 x 180 (cm)	Cái	20	136,1	Cảng Xanh
	Đầu giường mây, kích thước 180 x 3 x 140 (cm)	Cái	5	108,1	Cảng Xanh
	Bàn mây, kích thước 80 x 80 x 50 (cm)	Cái	10	54,5	Cảng Xanh
	Thảm bèo, kích thước phi 200 (cm)	Cái	30	39,5	Cảng Xanh
	Giỏ cói, kích thước 50 x 50 x 35/45 (cm)	Cái	30	24,1	Cảng Xanh
Tây Ban Nha	Chậu tre trắng xi măng hình tròn Bộ 3 - KT 49.0x49.0x54.0H/ 39.0x39.0x44.0H/ 29.0x29.0x33.0H(cm)	Bộ	36	52,2	Cát Lái
	Ghế tre. KT: 54x50x95cmH	Cái	200	10,7	Cát Lái
Trung Quốc	Sọt lục bình bộ 2 , KT : 40x40xH40 cm; 35x34xH34cm	Bộ	200	19,2	Phước Long
	Voi lục bình , KT : Đĩa 31/37xH50/54 cm	Cái	250	18,9	Phước Long
	Khay lục bình , KT : 35x49xH35 cm	Cái	200	16,1	Phước Long
Uruguay	Khung gương mây, kích thước 155 x 80 x 2 (cm)	Cái	30	38,5	Hải Phòng
	Chao đèn cói, kích thước 50 x 50 x 50 (cm)	Cái	30	23,0	Hải Phòng
	Đồ trang trí tường cói, 140 x 10 x 1.9, 107 x 67 x 1.9, 71 x 53 x 1.9 (cm)	Cái	30	16,8	Hải Phòng
	Thảm cói, kích thước 120 x120 x 1 (cm)	Cái	50	11,8	Hải Phòng

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tăng mạnh trong quý I/2021

Xuất khẩu của Trung Quốc được hưởng lợi từ nhu cầu tăng mạnh từ thị trường quốc tế đối với hàng hóa. Nhu cầu được dự kiến sẽ mạnh hơn khi nền kinh tế toàn cầu tiếp tục phục hồi, với các nỗ lực tiêm chủng được đẩy mạnh. Hoạt động của các nhà máy ở Mỹ tăng trong tháng 3/2021, do lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh và hoạt động nhà máy hàng tháng của Eurozone ghi nhận mức tăng trưởng nhanh nhất. Đồ nội thất văn phòng (mã HS 940330) của Trung Quốc là một trong những mặt hàng xuất khẩu tăng rất mạnh trong tháng 3 và quý I/2021. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu đồ nội thất văn phòng (mã HS 940330) trong tháng 3/2021 của nước này đạt 110

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

triệu USD, tăng 106,5% so với tháng 3/2020. Trong quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Trung Quốc đạt 336,76 triệu USD, tăng 108,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất văn phòng nhiều nhất tới thị trường Mỹ trong quý I/2021, đạt 162,16 triệu USD, tăng 214,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 31,7 triệu USD, tăng 67,9%; Anh đạt 15,48 triệu USD, tăng 237,3%; Hàn Quốc đạt 12,6 triệu USD, tăng 45,5%; Canada đạt 11,98 triệu USD, tăng 278,8%...

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất văn phòng (mã HS 940330) tới các thị trường trong tháng 3 và quý I/2021

Thị trường	Tháng 3/2021 (nghìn USD)	So với tháng 3/2020 (%)	3 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 3 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 3 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	110.001	106,5	336.760	108,1	100,0	100,0
Mỹ	56.496	204,2	162.159	214,3	48,2	31,9
Nhật Bản	10.621	32,5	31.704	67,9	9,4	11,7
Anh	5.762	336,5	15.482	237,3	4,6	2,8
Hàn Quốc	4.684	37,7	12.635	45,5	3,8	5,4
Canada	4.535	464,0	11.978	278,8	3,6	2,0
Ả rập Xê út	2.129	-9,1	8.349	-8,4	2,5	5,6
Australia	2.438	20,7	7.957	52,1	2,4	3,2
Hà Lan	1.989	553,5	7.686	368,2	2,3	1,0
Hồng Kông	962	-50,5	5.430	-18,7	1,6	4,1
UAE	670	-24,2	5.009	87,6	1,5	1,6
Đức	1.205	288,8	4.687	246,3	1,4	0,8
Philippin	647	-37,2	4.593	0,0	1,4	2,8
Bỉ	2.116	4895,2	4.587	1857,6	1,4	0,1
Indonesia	874	-1,7	3.758	62,1	1,1	1,4
Malaysia	1.758	551,9	3.511	288,4	1,0	0,6
Mexico	812	104,1	2.967	101,6	0,9	0,9
Pháp	509	107,3	2.871	97,9	0,9	0,9
Thái Lan	1.005	171,6	2.355	29,1	0,7	1,1
Singapore	1.041	58,9	2.107	-3,7	0,6	1,4
Ba Lan	482	317,3	1.853	508,5	0,6	0,2
Chi lê	731	399,7	1.803	145,2	0,5	0,5
Ấn Độ	470	-30,1	1.716	-9,9	0,5	1,2
Oman	169	489,1	1.694	187,8	0,5	0,4
Đài Loan	458	19,5	1.686	20,6	0,5	0,9
Đan Mạch	564	885,8	1.329	562,4	0,4	0,1

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Nga xác nhận lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn trong năm 2022

Theo nguồn Lesprom, Chính phủ Liên bang Nga đã đưa ra quyết định tăng dần thuế xuất khẩu. Trong năm 2021 thuế xuất khẩu là 80%; năm 2022, cấm xuất khẩu gỗ tròn có hiệu lực. Điều này được thực hiện nhằm tạo công ăn việc làm trong ngành lâm nghiệp và xây dựng các nhà máy chế biến gỗ tại Nga.

Nga là một trong những nước xuất khẩu gỗ lớn nhất thế giới. Năm 2020, xuất khẩu gỗ tròn của Nga đạt 6,9 triệu m³, giảm 18,8% so với năm 2019, giá xuất khẩu bình quân đạt 76 USD/m³, giảm 3,8% so với năm 2019.

Việc cấm xuất khẩu gỗ tròn của Nga sẽ ảnh hưởng nhiều tới nguồn cung gỗ nguyên liệu trên thế giới, trong bối cảnh nguồn cung gỗ đang hạn chế do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, điều này sẽ dẫn tới giá gỗ nguyên liệu tăng cao trong thời gian tới.

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Liên bang Nga, trong 3 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ xẻ của Nga đạt 3,7 triệu tấn, trị giá 1,3 tỷ USD, giảm 9,4% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp theo xuất khẩu gỗ tròn đạt 3,4 triệu m³, trị giá 259,2 triệu USD, tăng 17,1% về lượng và tăng 28,2% về trị giá; xuất khẩu gỗ dán đạt 775,1 nghìn m³, trị giá 346,5 triệu USD, tăng 5,4% về lượng và tăng 22,1% về trị giá; xuất khẩu bột gỗ đạt 512 nghìn tấn, trị giá 247,4 triệu USD, giảm 7,9% về lượng và tăng 7% về trị giá; xuất khẩu giấy in báo đạt 220,4 nghìn tấn, trị giá 74,9 triệu USD, giảm 26,1% về lượng và giảm 18,3% về trị giá.

THAM KHẢO

Khuyến cáo các doanh nghiệp kinh doanh với thị trường Ấn Độ trong bối cảnh dịch Covid -19

Theo Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, Bộ Công Thương, tình hình dịch Covid-19 tại Ấn Độ vẫn đang có những diễn biến hết sức phức tạp, với số ca nhiễm mới và số ca tử vong trong ngày liên tục tăng cao. Việc nhiều bang và vùng lãnh thổ liên bang ở Ấn Độ phải tiến hành các biện pháp phong tỏa/giãn cách xã hội nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19 đã, đang và sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động thông quan hàng hóa tại các cảng biển và hoạt động của các ngân hàng, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Ấn Độ.

Công suất hoạt động tại các cảng lớn như Mundra, Nhava Seva, Chennai, Kolkata đã giảm xuống một nửa do thiếu nhân công. Tình trạng này khiến cho các hãng tàu không muốn chờ hàng đi Ấn Độ với lo ngại không có hàng quay đầu hoặc phải lưu công-ten-nơ tại cảng, chịu phí lưu kho, lưu bãi. Nhiều ngân hàng chỉ làm việc từ 2 – 3 ngày trong tuần với 30 hoặc 50% nhân viên. Thời gian làm việc giới hạn từ 11h00 – 14h00. Những ngân hàng có nhân viên bị nhiễm COVID-19 bị buộc phải đóng cửa từ 1 – 2 tuần. Do đó, việc thực hiện các giao dịch trực tiếp tại ngân hàng hay dịch vụ ngân hàng trực tuyến rất hạn chế.

Trước tình hình trên, Bộ Công Thương khuyến cáo các doanh nghiệp như sau:

- Với các đối tác truyền thống, thường xuyên liên lạc thăm hỏi, động viên để duy trì quan hệ đối tác và nắm thông tin về tình hình dịch cũng như các biện pháp phòng dịch của Chính quyền Ấn Độ.

- Trước khi ký kết hợp đồng thương mại, cần tìm hiểu các quy định, biện pháp chính sách mà địa phương áp dụng trong bối cảnh dịch bệnh; lựa chọn giao dịch với các doanh nghiệp lớn, uy tín.

- Trong đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại, lường trước những khó khăn có thể xảy ra trong bối cảnh dịch đang ảnh hưởng mạnh đến hoạt động thông quan và hoạt động ngân hàng tại Ấn Độ; thỏa thuận chặt chẽ các điều khoản về giao hàng, thanh toán, giải quyết tranh chấp khi phát sinh, các trường hợp bất khả kháng. Mua bảo hiểm với tất cả các lô hàng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cần thường xuyên liên lạc để trao đổi và được cập nhật về tình hình Covid -19 và các biện pháp của chính quyền địa phương; kiểm tra tình trạng giao nhận hàng hóa, tiến trình thông quan hàng hóa tại cảng và hoạt động của các ngân hàng.

Trong trường hợp doanh nghiệp cần hỗ trợ, đề nghị liên hệ với Bộ Công Thương (Vụ Thị trường châu Á – châu Phi) qua SĐT: 024.2220.5479,

E-mail: hieudc@moit.gov.vn;

hoặc Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ qua E-mail: in@moit.gov.vn.

Danh sách cảnh báo sản phẩm có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, điều tra lẫn tránh thuế

Theo Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, thực hiện Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 4 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”, Cục Phòng vệ thương mại tiếp tục cập nhật Danh sách theo dõi các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại hoặc điều tra gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp. Danh sách được xây dựng trên cơ sở theo dõi biến động xuất khẩu của những mặt hàng đã bị thị trường xuất khẩu áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại hoặc các biện pháp hạn chế thương mại khác với nước thứ ba nhưng chưa áp dụng đối với Việt Nam.

Trong Quý IV/2020, danh sách theo dõi bao gồm 12 mặt hàng được xác định có nguy cơ bị áp dụng biện pháp chống lẫn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại trong đó có các mặt hàng gỗ như: gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng, tủ gỗ, ghế sofa có khung gỗ. Cụ thể như sau:

1. Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng (hardwood plywood) xuất khẩu sang Mỹ

Mỹ đã chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 11 năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ đã giảm mạnh từ 1,1 tỷ USD năm 2016 xuống còn 215,6 triệu USD năm 2019. Trong cùng giai đoạn, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng nhanh từ 33,4 triệu USD năm 2016 lên 322,2 triệu USD năm 2019. Riêng trong năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng 63,7% so với năm 2018. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 370 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng đã giảm chỉ còn 14,8%, tuy nhiên kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vẫn chiếm tới 25% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ.

Tháng 10/2019, Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Mỹ thông báo chính thức điều tra trốn thuế phòng vệ thương mại đối với một số công ty Mỹ nhập khẩu gỗ dán từ Việt Nam. Tháng 6/2020, Bộ Thương mại Mỹ đã khởi xướng điều tra lẫn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với toàn bộ sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam. Tháng 10/2020, Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) đã thông báo khởi xướng điều tra về tình hình nhập khẩu và sử dụng gỗ nguyên liệu được khai thác và buôn bán bất hợp pháp tại Việt Nam. Các vụ việc điều tra của Mỹ đều chưa có kết luận cuối cùng nhưng dự kiến có thể sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang Mỹ trong tương lai, trong đó có mặt hàng gỗ dán.

2. Tủ gỗ (Wooden cabinets and vanities) xuất khẩu sang Mỹ

Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ đã giảm từ 4 tỷ USD năm 2018 xuống còn 2,5 tỷ USD năm 2019. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng mạnh từ 913 triệu USD năm 2018 lên 1,37 tỷ USD năm 2019 (tăng 50%). Xu hướng tăng đặc biệt thấy rõ kể từ tháng 3/2019 khi Mỹ bắt đầu điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm của Trung Quốc. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng 65,6% lên đến 2,27 tỷ USD. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Mỹ đã tăng từ 20,8% năm 2019 lên 32,9% năm 2020.

Mỹ chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với các sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 2/2020.

Tháng 10/2020, Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) đã thông báo khởi xướng điều tra về tình hình nhập khẩu và sử dụng gỗ nguyên liệu được khai thác và buôn bán bất hợp pháp tại Việt Nam. Vụ việc điều tra của Mỹ đều chưa có kết luận cuối cùng nhưng dự kiến có thể sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang Mỹ trong

tương lai, trong đó có mặt hàng tủ gỗ.

Bên cạnh cuộc điều tra đang diễn ra, khả năng cao Mỹ có thể khởi xướng các cuộc điều tra khác về phòng vệ thương mại hoặc lẩn tránh thuế đối với mặt hàng tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

3. Ghế sofa có khung gỗ (Seats with wooden frames, upholstered) xuất khẩu sang Mỹ

Xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ có xu hướng giảm kể từ khi mặt hàng này nằm trong danh sách các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc bị Mỹ đánh thuế 25%. Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đã giảm từ 4,1 tỷ USD năm 2018 xuống còn 2,9 tỷ USD năm 2019 và 900 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2020. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng nhanh từ 819 triệu USD năm 2018 lên 1,4 tỷ USD năm 2019 và 2,1 tỷ USD năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Mỹ đã tăng từ 25,2% năm 2019 lên 37,1% năm 2020.

Tháng 10/2020, Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) đã thông báo khởi xướng điều tra về tình hình nhập khẩu và sử dụng gỗ nguyên liệu được khai thác và buôn bán bất hợp pháp tại Việt Nam. Vụ việc điều tra của Mỹ đều chưa có kết luận cuối cùng nhưng dự kiến có thể sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang Mỹ trong tương lai, trong đó có mặt hàng ghế sofa.

Bên cạnh cuộc điều tra đang diễn ra, vẫn có khả năng Mỹ khởi xướng các cuộc điều tra khác về phòng vệ thương mại hoặc lẩn tránh thuế đối với mặt hàng ghế sofa nhập khẩu từ Việt Nam.

Ấn Độ chấm dứt vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với Ván gỗ MDF sản xuất bởi Công ty CP Kim Tín MDF Việt Nam

Theo Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, Ấn Độ chấm dứt vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm Ván gỗ MDF có độ dày từ 6mm trở lên sản xuất bởi Công ty CP Kim Tín MDF Việt Nam

Ngày 17/5/2015, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) đã quyết định khởi xướng điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm Ván gỗ MDF (Plain Medium Density Fibre Board) có độ dày từ 6mm trở lên có nguồn gốc xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a và Việt Nam. Năm 2016, tại kết luận điều tra cuối cùng, DGTR kết luận Công ty CP Kim Tín MDF Việt Nam (Kim Tín) có biên độ bán phá giá dưới mức tối thiểu (de-minimis).

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, DGTR khởi xướng một vụ việc điều tra mới đối với cùng sản phẩm, được sản xuất riêng bởi Công ty Kim Tín. Sau khi xem xét tổng thể vụ việc, ngày 7/5/2021, DGTR quyết định chấm dứt vụ việc này, đồng thời thông báo có thể xem xét điều chỉnh lại mức thuế của Công ty Kim Tín trong quá trình rà soát biện pháp CBPG năm 2015.

Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan tiếp tục theo dõi, hợp tác đầy đủ và có các phản biện phù hợp khi Cơ quan điều tra Ấn Độ tiến hành các cuộc rà soát theo quy định.

Thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương – Số 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Điện thoại: 024.7303.7898 (máy lẻ 108). Email: thuyngth@moit.gov.vn; ducpg@moit.gov.vn.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **54/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 11 tháng 8 năm 2020

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**